

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Chi tiết máy-207100

Ngày Thi : 23/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV223 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (10%)	Đ 2 (20%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13154002	BÙI TUẤN ANH	DH13OT	<i>Anh</i>		9	6,8	5,8	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	11169002	ĐỖ VĂN ANH	DH11GN	<i>Đỗ Văn Anh</i>		8	4,6	6,8	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13153001	NGUYỄN VĂN BÀ	DH13CD	<i>Bà</i>		10	6,3	5,8	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13138027	BÙI MINH BẢO	DH13TD	<i>Bảo</i>		4				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12153029	CHÂU THÁI BẢO	DH12CD	<i>Châu Thái Bảo</i>		10	2,4	5,8	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13137014	LÊ CÔNG BẢO	DH13NL	<i>Le Cong Bao</i>		10	9,1	10	9,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13118004	NGUYỄN THẾ BẢO	DH13CC	<i>Thế Bảo</i>		10	6	6,8	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13118078	TRỊNH QUỐC BẢO	DH13CK	<i>Bảo</i>		6	2	4,3	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12118016	LÝ PHAN BÌNH	DH12CC							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12344164	ĐẶNG MINH CHÂU	CD12CI	<i>Chau</i>		10	7	7,3	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13138029	NGÔ THẾ CHUNG	DH13TD	<i>Ngô Thế Chung</i>		10	6,6	8,1	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13138031	LÊ BÀ CÔNG	DH13TD	<i>Le Ba Cong</i>		10	6,8	8,4	8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12153172	NGUYỄN CƯỜNG	DH12CD	<i>Nguyen Cuong</i>		7	3	5,5	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13154091	NGUYỄN ĐÌNH DƯƠNG	DH13OT	<i>Nguyen Dinh Duong</i>		10	5,8	5,8	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13118105	TRẦN TÙNG DƯƠNG	DH13CK	<i>Tran Tung Duong</i>		6	2,2	3,6	3,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13334047	TRẦN QUỐC ĐẠT	CD13CI							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13118121	NGUYỄN DOãn ĐỨC	DH13CK	<i>Doan Duc</i>		8	4,2	5,3	5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13118011	TRẦN ĐÌNH ĐỨC	DH13CK	<i>Tran Dinh Duc</i>		10	6,5	7	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Chi tiết máy-207100

Ngày Thi : 23/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV223 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	13153084	NGUYỄN TRÚC	GIANG	DH13CD	<i>Ctng</i>	10	6,2	6,3	6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12118111	LÊ MINH	HẢI	DH12CC	<i>minh</i>	10	4,7	7,6	7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13118015	VÕ ĐÌNH	HẢI	DH13CK	<i>Hai</i>	10	6,1	2,8	4,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13118135	TRẦN TUẤN	HIẾN	DH13CK	<i>Tuan</i>	10	6,9	9,8	9,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13154021	TRẦN ĐỨC	HIỆU	DH13OT	<i>duc</i>	10	1	5,4	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13118140	ĐẶNG NGỌC	HIỆU	DH13CK	<i>Dang</i>	10	7,6	4,6	5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13118146	NGUYỄN QUỐC	HÒA	DH13CC	<i>Quoc</i>	10	6,3	8,1	7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	13138263	HẠP TIẾN	HOÀNG	DH13TD	<i>Hiep</i>	10	5,2	2,3	3,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13118162	HUỖNH ĐỨC	HÙNG	DH13CC	<i>Hung</i>	10	7,1	5,2	6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	13153009	NGÔ THANH	HUY	DH13CD	<i>Thanh</i>	10	5,5	7,8	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	13153115	NGUYỄN PHÚC	HUY	DH13CD	<i>Phuc</i>	10	6,5	8,9	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12115206	TRẦN THỊ KIM	HƯƠNG	DH12CB	<i>Kim</i>	10	4,2	4,5	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	13118176	LÊ ĐÌNH	KHÁ	DH13CK	<i>Khac</i>	10	7,5	6,5	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	12153177	TRẦN QUỐC	KHANH	DH12CD	<i>Quoc</i>	9	2	1,0	1,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	13137076	ĐỖ ĐĂNG	KHOA	DH13NL	<i>Do</i>	9	4,6	5,7	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiện diện: :

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Thị Kiều Hằng

Điền Văn An

TS. Lê Thị Tiến

OTS Nguyễn Thị Kiều Hằng

Vũ Thị Tiến

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Chi tiết máy-207100

Ngày Thi : 23/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV225 Nhóm : 01 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13118024	NGÔ MINH LAN	DH13CK	<i>Minh</i>		10	75	9,8	9,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13118191	NGUYỄN TÙNG LÂM	DH13CK	<i>Tùng</i>		10	69	6,4	6,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13118025	NGUYỄN HOÀNG LIÊM	DH13CK	<i>Hoàng</i>		10	71	5,1	6,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13137085	NGUYỄN THANH LONG	DH13NL	<i>Thanh</i>		6	5	2,8	3,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13154142	CA THANH LỘC	DH13OT	<i>Ca</i>		10	8	7,3	7,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13334117	NGUYỄN CÔNG LỰC	CD13CI	<i>Long</i>		10	9	3,5	3,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13118205	NGUYỄN BÁ MAY	DH13CK	<i>Ba</i>		10	2,5	2	2,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13154037	NGUYỄN VĂN NAM	DH13OT	<i>Nam</i>		10	5,1	5,8	6,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13118030	TRẦN QUỐC NAM	DH13CK	<i>Tran</i>		9	6,5	6,1	6,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13118218	LÊ VŨ TRƯỜNG NGỌC	DH13CK	<i>Ngoc</i>		10	7	7,6	7,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12153088	ĐẶNG HOÀNG NHIÊN	DH12CD	<i>Hoang</i>		8	7,4	4,9	5,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13118037	NGUYỄN NHƯT	DH13CC	<i>Nhut</i>		10	5,5	7,6	7,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13118230	CAO HOÀNG PHI	DH13CK	<i>Phi</i>		10	6	4,5	5,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13118231	NGUYỄN VĂN PHI	DH13CK	<i>Phi</i>		10	5,9	4	5,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12344185	NGUYỄN THANH PHONG	CD12CI	<i>Phong</i>		7	4	4,8	4,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13118236	ĐẶNG ĐÌNH PHỐ	DH13CC	<i>Pho</i>		10	7,5	7,3	7,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13118238	HÀ THANH PHƯƠNG	DH13CC	<i>Phuong</i>		10	7,3	6,2	6,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13118041	LÊ MINH PHƯƠNG	DH13CK	<i>Phuong</i>		10	6,6	6	6,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Chi tiết máy-207100

Ngày Thi : 23/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV225 Nhóm : 01 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (40%)	Đ 2 (20%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	13118241	NGÔ DUY QUANG	DH13CK	<i>Duy</i>		10	6,5	6,4	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13118242	NGUYỄN NGỌC THIÊN	DH13CK	<i>Thiên</i>		10	4,3	3,3	4,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13118255	HỒ HOÀNG SƠN	DH13CK	<i>Sơn</i>		10	4	4	4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13118259	HUỖNH TRỌNG TÀI	DH13CK	<i>Trọng</i>		10	5	9,1	8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13118260	LÊ NGUYỄN THÀNH TÀI	DH13CC	<i>Thành</i>		10	10	10	10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13118049	LƯƠNG NGỌC TÂN	DH13CK	<i>Tân</i>		10	7	3,1	4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13118279	TRƯƠNG QUANG THẠNH	DH13CK	<i>Thanh</i>		10	3,8	5,4	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12153144	LƯU THẾ THẮNG	DH12CD	<i>Thắng</i>		7	2,4	4	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12153146	NGUYỄN LÝ THÔI	DH12CD	<i>Thôi</i>		7	3	2,6	3,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	13118286	PHAN MINH THÔNG	DH13CK	<i>Thông</i>		10	7,5	4,8	5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	13334205	VŨ THÁI THUẬN	CD13CI	✓						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	13154185	ĐINH NGỌC THỨC	DH13OT	<i>Thức</i>		9	5,4	6	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	11169015	LÊ TẤN THƯƠNG	DH11GN	<i>Tấn</i>		10	3	4,6	4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	13118291	PHẠM HỮU THƯỜNG	DH13CK	<i>Thường</i>		10	7,8	6,5	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	13334209	PHẠM THÁNH TIỀN	CD13CI	✓						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	13115120	NGUYỄN THẾ TOÀN	DH13CB	<i>Toàn</i>		8	3,5	3,6	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	12118095	DƯƠNG CÔNG TRẠCH	DH12CK	<i>Trạch</i>		10	4	5	5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	13118310	BÙI THANH TRIỂN	DH13CK	<i>Triển</i>		9	7,3	4,8	5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Chi tiết máy-207100

Ngày Thi : 23/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV225 Nhóm : 01 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (40%)	Đ 2 (40%)	Điểm thi 70%	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
37	13118059	TRẦN VĂN TRỌNG	DH13CK	Trọng		10	5	3,1	4,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
38	13153251	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	DH13CD	Trường		10	3	3,8	5,1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
39	13118337	NGUYỄN THANH TUẤN	DH13CK	Tuấn		10	6,8	3,3	4,7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
40	13118343	PHẠM THANH TÙNG	DH13CK	Tùng		10	3,0	4,8	5,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
41	12153160	PHẠM VĂN VIỆN	DH12CD	Viện		9	6,4	4,8	5,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
42	13118359	VŨ GIA VỸ	DH13CK	Vỹ		10	3	6,6	6,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số lượng vắng: 2 Hiện diện: 40

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Phạm Đức Dũng

Nô Thị Duyệt

TS. Võ Thanh Tuấn

Ths Nguyễn Thị Kiều Hằng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 02

Tổ : 001

Trang 1/2

Mã nhận dạng 01522

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Chi tiết máy-207100

Ngày Thi : 23/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV219 Nhóm : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13153002	KIM THANH BACH	DH13CD	<i>[Signature]</i>		10	5	6,6	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12153031	LÊ VĂN CẢNH	DH12CD	<i>[Signature]</i>		10	3	3,6	4,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12153002	NGUYỄN TUẤN CHÍNHH	DH12CD	<i>[Signature]</i>		10	3,8	3,7	4,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12153036	HỮA THANH CHUNG	DH12CD	<i>[Signature]</i>		10	3,4	5	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13154088	ĐÀO THẾ CƯỜNG	DH13OT	<i>[Signature]</i>		10	4,7	3,3	3,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12115230	ĐÌNH THỊ KIỀU DIỆM	DH12CB	<i>[Signature]</i>		10	3,8	9,3	9,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13118095	LƯU TRẦN TÂN DUY	DH13CK	<i>[Signature]</i>		8	3,5	1,6	3,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13118097	NGUYỄN HOÀNG DUY	DH13CK	<i>[Signature]</i>		6	0	3,9	3,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13115184	NGUYỄN HOÀNG VĨ ĐẠI	DH13GN	<i>[Signature]</i>		9	1	0,5	1,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13118010	LÊ TIẾN ĐẠT	DH13CK	<i>[Signature]</i>		10	5,4	3,6	3,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13153068	MAI QUỐC ĐẠT	DH13CD	<i>[Signature]</i>		10	5	6,9	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13118113	PHẠM THÀNH ĐẠT	DH13CC	<i>[Signature]</i>		9	4,2	3	3,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13118123	TRỊNH ĐÌNH THANH ĐỨC	DH13CK	<i>[Signature]</i>		10	6	4,1	5,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13118126	LÊ XUÂN HÀ	DH13CC	<i>[Signature]</i>		9	6	3,8	3,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13137001	NGUYỄN DUY HẬU	DH13NL	<i>[Signature]</i>		9	1	3,6	3,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12153174	NGUYỄN KHẮC HÒA	DH12CD	<i>[Signature]</i>		10	4,5	5,3	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13118147	NGUYỄN THÁI HÒA	DH13CK	<i>[Signature]</i>		10	3,8	9,4	9,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13118152	BÙI VĂN HƠI	DH13CC	<i>[Signature]</i>		10	4,5	6,8	6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Chi tiết máy-207100

Ngày Thi : 23/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV219 Nhóm : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (10%)	Đ 2 (20%)	Điểm thi 30	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	13115232	CÁP HỮU	DH13CB							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13118168	PHẠM VĂN	DH13CC	Hùng	7	1	2	2,3		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13118159	LƯU QUỐC	DH13CK	Quốc	10	8	5,6	6,5		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13118161	HOÀNG PHẠM THANH	DH13CK	Thanh	10	5	6,5	6,6		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	10169005	NGUYỄN HOÀNG	DH10GN	Hoàng						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 1

Hiện diện: 22

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Văn Kiệp
n.v. Kiệp

Nguyễn Văn Triều
Nguyễn Văn Triều

TS. Lê Thị Bích
TS. Lê Thị Bích

ThS Nguyễn Thị Kiều Hạnh
ThS Nguyễn Thị Kiều Hạnh

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Chi tiết máy-207100

Ngày Thi : 23/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV227 Nhóm : 02 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13118170	HUYỀN MINH	KHA	DH13CC	1	10	8	8,8	8,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13153123	TRẦN MINH	KHA	DH13CD	1	9	4,2	4,6	5,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13118174	TRƯƠNG CHÍ	KHANG	DH13CK	2	10	8,8	9,5	9,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13118181	NGUYỄN VĂN	KHÁNH	DH13CK	1	10	6,5	7,6	7,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13118367	HUYỀN ĐĂNG	KHOA	DH13CK	1	10	7	5,4	6,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13153128	NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	DH13CD	1	10	7,9	9	8,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13118189	NGUYỄN HỮU	KIỆT	DH13CK	1	9	8,5	6,8	7,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13153144	TRƯƠNG VĂN	LÊ	DH13CD	2	10	7,4	8,6	8,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13118197	NGUYỄN CHÍ	LINH	DH13CK	2	9	9	5,8	6,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13118026	NGUYỄN HOÀNG	LINH	DH13CC	2	9	6,6	7,3	7,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13118199	ĐÀO HUY	LONG	DH13CK	1	10	5,5	4,7	5,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13118200	ĐẶNG HOÀNG	LONG	DH13CK	2	10	7,2	4	5,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13154145	HUYỀN NGỌC	LỢI	DH13OT	1	10	5,3	7,8	7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13118208	BÙI LƯƠNG BẢO	MINH	DH13CK	1	10	7,8	7	7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12115294	NGUYỄN THỊ TRÀ	MY	DH12CB	2	10	8	7,4	7,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13118031	TRƯƠNG MINH	NGHĨA	DH13CC	1	10	4,5	4,7	5,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13118219	TRỊNH ĐÌNH VŨ	NGỌC	DH13CK	1	10	5	4,9	5,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13118220	NGUYỄN NGỌC	NGUYỄN	DH13CC	1	10	8,2	7,6	8,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 02

Tổ : 002

Trang 2/2

Mã nhận dạng 01523

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Chi tiết máy-207100

Ngày Thi : 23/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV227 Nhóm : 02 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	13118039	HUYNH HONG PHUC	DH13CK		1	10	5,5	3,1	4,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12153070	VU HIEN	DH12CD		1	10	4,5	4,8	5,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13118249	TA VAN	DH13CK		1	10	5,2	7,3	7,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13118044	NGUYEN NHU	DH13CK		1	6	6	5,5	5,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13118257	VU TUAN	DH13CC		2	10	4,8	5,4	5,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13138183	VU MINH	DH13TD		2	10	9	9,7	9,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13118269	VU MINH	DH13CK		1	10	6	8	7,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	13118276	ĐAM MINH	DH13CK		1	10	6,3	4,8	5,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13118282	TRAN NAM	DH13CK		1	10	8,3	6,9	7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 0

Hiện diện: 27

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Hiếu Hòa

Phạm Quang Thang

TS. Vũ Thiết Tiến

TS. Nguyễn Thị Kiều Hạnh

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Chi tiết máy-207100

Ngày Thi : 23/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV315 Nhóm : 02 Tổ : 003

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13153215	HÀN VĂN THI	DH13CD	<i>Mh</i>		9	4	9,6	8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12115054	TRẦN QUỐC THỊNH	DH12CB	<i>Th</i>		10	75	5,6	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12115056	TRẦN HỮU TÍNH	DH12CB	<i>Lu</i>		10	8	6,5	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12153198	PHẠM NGỌC TỊNH	DH12CD	<i>Tinh</i>		7	5	4,2	3,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12115176	NGUYỄN HOÀI THIÊN	DH12CB	<i>Thiên</i>		10	8	7,8	8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12115308	NGUYỄN NỮ THIÊN	DH12CB	<i>Thiên</i>		10	75	8	8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13118308	PHẠM VĂN TRĂNG	DH13CC	<i>Trang</i>		10	75	8,9	8,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13118312	BẠCH HUY TRÍ	DH13CK	<i>Trí</i>		10	8	6,1	6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13118317	LÊ QUỐC TRUNG	DH13CK	<i>Quoc</i>		10	83	9,6	9,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13118318	NGUYỄN ĐỨC TRUNG	DH13CC	<i>Đức</i>		10	78	9,6	9,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13118320	NGUYỄN QUỐC TRUNG	DH13CK	<i>Quoc</i>		10	7	8	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13118060	PHẠM QUANG TRUNG	DH13CK	<i>Quang</i>		8	0	9,8	1,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13118321	TRẦN MINH TRUNG	DH13CK	<i>Minh</i>		10	4	5,1	5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13138234	NGUYỄN PHAN HẢI TRƯỜNG	DH13TD	<i>Truong</i>		10	54	6,8	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13118332	LÊ QUỐC TUẤN	DH13CK	<i>Quoc</i>		10	6	6	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13118061	NGUYỄN DUY TUẤN	DH13CC	<i>Duy</i>		9	48	9,1	8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13118334	NGUYỄN DUY TUẤN	DH13CC	<i>Duy</i>		10	55	4,3	5,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13137155	NGUYỄN THANH TUẤN	DH13NL	<i>Thanh</i>		9	65	6,5	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Chi tiết máy-207100

Ngày Thi : 23/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV315 Nhóm : 02 Tổ : 003

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	12118101	NGUYỄN THANH TÙNG	DH12CC			10	4,5	6,3	6,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
20	13118347	MAI HOÀI	DH13CC			10	7,5	6,5	7,1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
21	13118366	LÊ TẤN	DH13CK							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
22	12118106	PHẠM VINH	DH12CC			9	5,6	3,8	4,7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
23	13118360	ĐÀO THỊ HẢI	DH13CC			10	9,3	8,5	8,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số lượng vắng: 01

Hiện diện: 22

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Hồng Diệp

TS. Lê Thanh Tiến

Phó Nguyễn Thị Kiều Hằng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 03

Tổ : 001

Trang 1/2

Mã nhận dạng 01525

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Chi tiết máy-207100

Ngày Thi : 23/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV323 Nhóm : 03 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13118070	LÊ HỒNG ANH	DH13CC	Anh		8,2	1	1,5	2,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13137006	MAI THẾ ANH	DH13NL	Ma		6,4	3,8	4,5	4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13137011	NGUYỄN THIÊN ẮN	DH13NL	Th		8,2	4	4	4,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13137013	ĐẶNG HOÀI BẢO	DH13NL	ba		7,3	6,6	4,5	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13137015	PHẠM THÁI MINH BẢO	DH13NL	Min		9,1	5,7	2,8	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13137026	NGUYỄN MINH CHÂU	DH13NL	Chu		10	7,8	6,8	7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13118089	BÙI THANH CƯỜNG	DH13CC	Cuong		10	4,8	2,3	3,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13137029	LÊ A DÀNG	DH13NL	A Dang		10	7	2,4	4,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12115216	NGUYỄN THỊ DUNG	DH12GB	Dung		7,3	6	4,1	4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13137041	TRẦN NGỌC DŨNG	DH13NL	Dung		8,2	6,9	5,3	7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13137036	TRẦN KHÁNH DUY	DH13NL	Kh		9,1	8,0	3,3	4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13137037	TRẦN NGỌC DUY	DH13NL	Duy		7,3	6,0	5,3	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13118110	PHẠM MINH ĐÀI	DH13CC	Đai		8,2	6,5	2,7	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13118108	LÂM HỮU NGUYỄN ĐAN	DH13CK	Am		10	7,5	6,6	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12154056	LÂM HỮU ĐẠT	DH12OT							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13137045	LÂM QUỐC ĐẠT	DH13NL	Đat		10	5,2	6,5	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13137047	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	DH13NL							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13334048	NGÔ HUỖNH ĐĂNG	CD13CI	Chu		6,4	2	3,3	3,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Chi tiết máy-207100

Ngày Thi : 23/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV323 Nhóm : 03 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	13153076	LÊ KHÁI	ĐINH	DH13CD		9,1	4,5	8,3	7,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13138051	NGÔ LỘC TRƯỜNG	ĐỨC	DH13TD		10	7	6,5	7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13115198	ĐINH BÀ	HÀ	DH13CB		9,1	5	2,1	3,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13137052	HUỖNH TẤN	HẠNH	DH13NL		10	7,5	4,2	5,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13118014	BÙI VĂN	HẢO	DH13CC		10	3	2,8	3,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13137053	CAO GIA	HÂN	DH13NL		8,2	6,8	5	5,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13115206	BÙI THỊ ÁI	HẬU	DH13GN		10	8	5,3	6,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	13137054	NGÔ HỮU	HẬU	DH13NL						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13138067	NGUYỄN TRUNG	HẬU	DH13TD		10	5,9	10	9,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	13137055	NGUYỄN THANH	HIỀN	DH13NL		9,1	8	6,3	6,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	13137056	ĐỖ VĂN	HIỂU	DH13NL		10	8	5,1	6,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	13138080	HUỖNH LÊ PHÚC	HÒA	DH13TD		7,3	5,6	3,5	4,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	13137065	HUỖNH NGUYỄN	HÒA	DH13NL		10	7	2,3	4,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	13137059	NGUYỄN NGỌC	HOAN	DH13NL		9,1	7,5	5,5	6,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	13118163	LÂM THÁI	HÙNG	DH13CC		10	4,4	5,2	5,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	13137068	LÊ VĂN	HÙNG	DH13NL		10	6	2,5	4,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	13118156	ĐỖ MINH	HUY	DH13CK		10	5	8	7,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	13137167	NGUYỄN THÁNH	HÙNG	DH13NL		10	8,3	8,1	8,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Chi tiết máy-207100

Ngày Thi : 23/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV323 Nhóm : 03 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (10%)	Đ 2 (10%)	Điểm thi 70%	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
37	13138006	ĐÀO THANH HỮU	DH13TD	<i>Thanh</i>		9,1	5,2	4,3	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	13137073	NGUYỄN HÙNG	DH13NL	<i>Hùng</i>		8,2	3,6	3,3	4,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	13153124	NGUYỄN TRỌNG	DH13CD	<i>Trọng</i>		9,1	5,4	4,7	5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	13137074	MAI QUANG	DH13NL	<i>Quang</i>		9,1	3,5	3,5	4,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	13118184	VÕ VĂN KHIÊM	DH13CC	<i>Khiem</i>		9,1	8	8	8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	13153130	TRẦN VĂN KHOA	DH13CD							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	13118021	LƯƠNG PHAN BÁ KHÔI	DH13CK	<i>Ba</i>		9	4,5	5,8	5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	13137079	PHAN ĐĂNG TUẤN	DH13NL	<i>Tuan</i>		10	6	4,5	5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	13137080	LÊ THÀNH KHÔI	DH13NL	<i>Thanh</i>		10	4,4	4,3	4,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	13334102	PHẠM TRUNG KIÊN	CD13CI	<i>Pham</i>		10	3,7	3,2	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	13115055	HUỖNH VÕ KIỆT	DH13GB	<i>Kiet</i>		9,1	7	6,1	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	12115208	NGUYỄN VƯƠNG LONG	DH12GN							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	13118201	NGUYỄN TẤN LỘC	DH13CK	<i>Tan</i>		8,2	4,9	5,4	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	13118203	NGUYỄN HỮU LỢI	DH13CC	<i>Huu</i>		9,1	8	9,1	8,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	12344027	NGUYỄN THÀNH LỢI	CD12CI	<i>Thanh</i>						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	13118204	TRƯƠNG THANH LỰC	DH13CK	<i>Truong</i>		8,2	4,6	5,8	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	13115067	TRẦN Ý LY	DH13CB	<i>Ly</i>		10	10	9,3	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	13334119	NGUYỄN THANH LỖ	CD13CI							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Chi tiết máy-207100

Ngày Thi : 23/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV325 Nhóm : 03 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13154036	NGUYỄN HOÀNG MINH	DH13OT	<i>Minh</i>		9,1	7,5	6,6	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13154147	NGUYỄN VĂN MINH	DH13OT	<i>Minh</i>		10	5,6	8,8	8,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13137090	CHAU VANH	DH13NL	<i>Van</i>		10	8	6,3	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12115205	LÊ VĂN NGÂN	DH12GB	<i>Ngân</i>		8,2	7,3	4,8	5,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13137096	LƯU THIÊN NGÔN	DH13NL	<i>Ngôn</i>		10	8	8,5	8,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13118033	PHẠM ĐÌNH NGUYỄN	DH13CK	<i>Phạm</i>		9,1	9	5,8	5,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13137100	ĐÌNH MAI NHẬT	DH13NL	<i>Đinh</i>		9,1	7	2,5	4,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13118232	BÙI TÂN PHONG	DH13CK	<i>Bùi</i>		10	5	6,4	6,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	09153068	LÊ HOÀI PHONG	DH09CD17	<i>Hoài</i>		7,3	5,4	4,7	5,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13118038	TRẦN CẢNH PHÚ	DH13CC	<i>Trần</i>		10	6,4	8,6	8,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13137109	BÙI VĂN PHÚC	DH13NL	<i>Bùi</i>		8,2	6	6,1	6,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13137110	NGUYỄN MINH PHÚC	DH13NL	<i>Minh</i>		10	7	4,8	5,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13118239	HUỖNH VŨ PHƯƠNG	DH13CK	<i>Huỳnh</i>		10	7,8	9,6	9,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13115345	NGUYỄN ĐÌNH QUANG	DH13CB	<i>Quang</i>		6	5,4	2,3	3,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13154047	HÀ ANH QUÂN	DH13OT	<i>Hà</i>		9,1	6,1	4,3	5,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13137119	NGUYỄN HẢI SƠN	DH13NL	<i>Sơn</i>		9,1	7,3	3,5	4,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13153202	NGUYỄN TẤN SỸ	DH13CD	<i>Tấn</i>		9,1	7,5	8,1	8,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13118047	PHẠM MINH TÀI	DH13CK	<i>Phạm</i>		8,2	5	9	1,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Chi tiết máy-207100

Ngày Thi : 23/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV325 Nhóm : 03 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (10%)	Đ 2 (20%)	Điểm thi 70%	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	13137121	VI VĂN TÀI	DH13NL	<i>Tau</i>		10	8	58	6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13153020	HỒ HOÀNG TÂM	DH13CD	<i>Hoàng</i>		10	4,2	2,5	3,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12115164	NGÔ THỊ THANH TÂM	DH12GN	<i>Ngô</i>		10	4,8	8,6	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13137123	NGUYỄN ĐỨC TÂM	DH13NL	<i>Đức</i>		10	7,1	6,3	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13138181	PHẠM VĂN TÂM	DH13TD	<i>Phạm</i>		10	6	5,3	5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13137124	VŨ ĐỨC TÂN	DH13NL	<i>Vũ</i>				edn thi		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13137128	PHAN LÊ NGỌC THẢO	DH13NL	<i>Thảo</i>		10	8	7,1	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	13115381	TRƯƠNG NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	DH13GN	<i>Thu</i>		10	9	8,6	8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	11344036	ĐỖ VĂN THẮNG	CD11CI	<i>Đỗ</i>		7,4	4,8	1	2,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	13137131	LÊ HOÀNG THẮNG	DH13NL	<i>Hoàng</i>		10	8	3,3	4,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	13137135	TRẦN HOÀNG THIÊN	DH13NL	<i>Trần</i>		8,2	1	5,1	4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	13154056	VŨ HOÀN THIÊN	DH13OT	<i>Vũ</i>		10	6,8	5,3	6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	13118284	LÂM VĂN THIẾT	DH13CC	<i>Lâm</i>		9,1	7	5,2	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	13118285	NGUYỄN PHÚ THỊNH	DH13CK	<i>Phú</i>		9,1	2,0	4,8	4,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	13154183	NGUYỄN VĂN THƠM	DH13OT	<i>Thơ</i>		10	6	4,3	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	13115398	ĐINH THỊ THU	DH13CB	<i>Đinh</i>		10	6,5	8,3	8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	13137140	NGUYỄN VĨNH THUẬN	DH13NL	<i>Vũ</i>		6	5,5	3,4	4,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	13137141	TRẦN THẮNG THUẬN	DH13NL	<i>Trần</i>		10	6	7,8	7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Chi tiết máy-207100

Ngày Thi : 23/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV325 Nhóm : 03 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
37	13334212	LÂM QUỐC TIẾN	CD13CI	<i>tiến</i>		64	64	1,5	3,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	13153232	NGUYỄN THÀNH TIẾN	DH13CD	<i>ty</i>		10	75	7,1	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	13118298	NGUYỄN VĂN TIẾN	DH13CC	<i>tiến</i>		82	58	2	3,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	13137146	ĐÌNH THANH TOÀN	DH13NL	<i>tiến</i>		10	69	2,9	4,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	13118306	NGUYỄN CHU TOÀN	DH13CC	<i>tiến</i>		9,1	4,0	2	1,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	12137056	NGUYỄN TẤN TOÀN	DH13NL	<i>tiến</i>		10	9,1	10	9,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	13137147	PHẠM THẾ TOÀN	DH13NL	<i>tiến</i>		73	6,6	3,0	4,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	13115435	NGUYỄN THỊ HUỲNH TRÂM	DH13GN	<i>tiến</i>		10	9	7,6	8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	13154064	ĐẶNG DUY TRUNG	DH13OT	<i>tiến</i>	✓					V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	13137154	NGUYỄN VĂN TRUÔNG	DH13NL	<i>tiến</i>		82	61	5,5	5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	13137156	DƯƠNG MINH TÚ	DH13NL	<i>tiến</i>		82	4,5	5,3	5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	13137003	NGUYỄN TUẤN TÚ	DH13NL	<i>tiến</i>		9,1	60	3,4	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	13115463	TRỊNH CÔNG TÚ	DH13GN	<i>tiến</i>		10	83	9,8	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	13118330	ĐOÀN MINH TUẤN	DH13CK	<i>tiến</i>	✓					V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	13154201	TRẦN ANH TUẤN	DH13OT	<i>tiến</i>		10	79	8	8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	13154204	TRẦN PHƯỚC TUÔNG	DH13OT	<i>tiến</i>		73	68	2,2	3,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	13137162	NGUYỄN THỊ THU VUI	DH13NL	<i>Vui</i>		10	8	7,6	7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Chi tiết máy-207100

Ngày Thi : 23/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV319 Nhóm : 04 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13154004	VÕ QUỐC BẢO	DH13OT	<i>Quốc Bảo</i>		10	65	6,3	6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13118080	NGUYỄN PHÚC BẢO	DH13CC	<i>Phúc Bảo</i>		10	8	8	8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13154076	HUYỀN ĐỨC BÌNH	DH13OT	<i>Đức Bình</i>	2	9	78	6,6	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13154078	NGUYỄN THÁI BÌNH	DH13OT	<i>Thái Bình</i>		10	56	5,1	5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12115075	BÙI THỊ MINH BÚT	DH12GB	<i>Minh Bút</i>	2	10	75	9,3	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13115160	TRẦN THANH CẨM	DH13GN	<i>Thanh Cẩm</i>		7	0	2,8	2,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13118005	ĐỖ THÀNH CHUNG	DH13CC	<i>Thành Chung</i>		10	61	7,7	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13154089	PHẠM VIỆT CƯỜNG	DH13OT	<i>Việt Cường</i>		9	48	5,8	5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13118101	ĐOÀN QUỐC DŨNG	DH13CC	<i>Quốc Dũng</i>		10	8	9,1	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13118096	MAI THÁNH DUY	DH13CC	<i>Thánh Duy</i>		10	7	9,5	9,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13118100	TRỊNH NGUYỄN MINH DUY	DH13CC	<i>Minh Duy</i>		10	7	6,3	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13118009	NGUYỄN VĂN DƯ	DH13CC	<i>Văn Dư</i>	2	10	7	4,6	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12138034	NGUYỄN ĐÌNH HOÀNG DƯƠNG	DH12TD	<i>Đình Hoàng</i>		9	75	2,5	4,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13118114	TRẦN MINH ĐẠT	DH13CC	<i>Minh Đạt</i>		10	5	4,8	5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13154095	NGUYỄN HỮU ĐOÀN	DH13OT	<i>Hữu Đoàn</i>		10	7	5,9	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13334049	NGUYỄN HUY ĐÔNG	CD13CI					V		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13118120	TRẦN CỰ ĐƯỢC	DH13CC	<i>Trần Cự</i>		10	8,4	10	9,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13154098	LÊ TRƯỜNG GIANG	DH13OT	<i>Trường Giang</i>		10	6,7	7	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Chi tiết máy-207100

Ngày Thi : 23/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV319 Nhóm : 04 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (10%)	Đ 2 (20%)	Điểm thi trên 20	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	13154101	HỨA PHÚ HẢI	DH13OT			10	5,3	6,1	6,4		
20	13154104	LÊ HỮU HẢI	DH13OT			10	6	6,8	7,0		
21	13154015	NGUYỄN TẤN HẢI	DH13OT			10	4,2	4,5	5,0		
22	13154020	ĐÀU NGỌC HIẾU	DH13OT			10	5,5	6,0	6,3		
23	13154122	ĐỖ THANH HÙNG	DH13OT					✓			
24	12138042	HOÀNG PHI HÙNG	DH12TD			10	7,7	7	7,4		

Số lượng vắng: 02 Hiện diện: :

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Hải Đăng

Lê Quang Trí

TS Vũ Thái Trích

TS Nguyễn Thị Kiều Hằng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Chi tiết máy-207100

Ngày Thi : 23/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV333 Nhóm : 04 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi /10	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13118020	NHỮ SỸ	HÙNG	DH13CK	1	10	7,5	7,5	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13154123	PHẠM	HÙNG	DH13OT	1	9	1	3,6	3,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12115004	TRƯƠNG THỊ	HUYỀN	DH12GN	1	10	4,2	5	5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13154127	VÕ QUỐC	KHẢI	DH13OT	2	10	5,2	5,3	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13118183	TRƯƠNG NHỰT	KHÁNH	DH13CC	2	10	8	8,3	8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12138126	NGUYỄN DUY	KHƯƠNG	DH12TD	1	9	5,5	3	4,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13118190	TRẦN VĂN	LA	DH13CC	1	10	10	10	10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12115318	HỒ THUY	LINH	DH12CB	2	10	7,3	7,8	7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13154139	NGUYỄN ĐỨC	LINH	DH13OT	1	10	4	4,3	4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12115048	VÕ TRƯƠNG TỔ	LINH	DH12GN	2	10	8,6	10	9,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13154141	NGUYỄN THÀNH	LONG	DH13OT	1	10	6	7,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13154032	TRƯƠNG THÀNH	LONG	DH13OT	2	10	5,2	9,5	8,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13118202	NGUYỄN TẤN	LỘC	DH13CC	1	10	8,5	7,1	7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12153106	BÙI VIỆT	NAM	DH12CD	1	10	5	7,3	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12153114	NGUYỄN HOÀI	NHÂN	DH12CD	1	6	5,5	2,8	3,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12115098	ĐÀO HỒNG	NHIÊN	DH12CB	2	10	3,8	7,3	6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13154041	PHẠM HOÀNG	NHU	DH13OT	1	10	7,5	8,8	8,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13137104	NGUYỄN TẤN	PHONG	DH13NL	1	10	6	6	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Chi tiết máy-207100

Ngày Thi : 23/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV333 Nhóm : 04 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (60%)	Đ 2 (40%)	Điểm thi 30%	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	13154045	TĂNG HỒNG	PHÚC	DH13OT	2	10	5	3,1	4,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13118250	BẠCH ĐÌNH	QUYẾT	DH13CC	1	10	7,5	5,8	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13153197	DƯƠNG	QUYNH	DH13CD	1	10	7,1	8,8	8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12115203	THÂN THỊ MỘNG	QUYNH	DH12CB	1	10	7,5	9,3	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13154049	NGUYỄN VĂN	SANG	DH13OT	1	9	4,4	5,0	5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13154166	TRẦN VĂN	SÁU	DH13OT	2	10	7,5	8,1	8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13154167	NGUYỄN TRẦN ANH	SƠN	DH13OT	1	10	5	5,3	5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	13154050	NGÔ VĂN	SỰ	DH13OT	1	10	6,5	5,8	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13154051	NGÔ TẤN	TÀI	DH13OT	1	10	3	5	5,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	13137122	ĐỖ KHÁNH	TÂM	DH13NL	1	9	7,6	3	4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 0
Cán bộ coi thi 1

Hiện diện: 28
Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Bùi Minh Tuấn
Lê Văn Nhân

TS Lê Thị Bích

Ths Nguyễn Thị Kiều Hằng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Chi tiết máy-207100

Ngày Thi : 23/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV335 Nhóm : 04 Tổ : 003

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (10%)	Đ 2 (10%)	Điểm thi (20)	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13118267	TRƯƠNG MINH TÂM	DH13CC	<i>Minh Tâm</i>		10	3,3	3,1	3,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13118278	HUỖNH NGỌC THẠCH	DH13CC	<i>Thạch Ngọc Huỳnh</i>		10	3,3	3,1	3,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13154177	ĐÌNH MAI BẮC	DH13OT	<i>Thị Mai Bắc</i>		7	2	1,3	2,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12115029	MAI DUY THANH	DH12GN	<i>Thanh Mai</i>		9	5	8,1	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12118092	NGUYỄN CHỈ	DH12CX	<i>Chỉ Nguyễn</i>		8	4,5	4,8	5,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13154174	TRẦN DUY THANH	DH13OT	<i>Thanh Trần</i>		10	3,5	8,3	8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12154185	NGUYỄN VĂN THIÊN	DH12OT	<i>Thiên Nguyễn</i>		9	5,5	6,0	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13118053	TRẦN THẾ THIÊN	DH13CC	<i>Thiên Trần</i>		10	8	9,1	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12138129	NGUYỄN CÔNG THUẬN	DH12TD	<i>Thuận Nguyễn</i>		10	3,2	4,6	4,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13154187	PHẠM TRUNG TÍN	DH13OT	<i>Tín Phạm</i>		10	8,8	6,3	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13138227	PHẠM ĐÌNH TRANG	DH13TD	<i>Trang Phạm</i>		9	4,2	9,5	8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13154062	HUỖNH QUANG TRANG	DH13OT	<i>Trang Huỳnh</i>		9	5,8	1,5	3,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13154063	TRẦN MINH TRÍ	DH13OT	<i>Trí Trần</i>		9	6,9	4,1	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12115038	LÊ VĂN TRUNG	DH12GB	<i>Trung Lê</i>		10	5,8	9,3	8,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13118324	PHẠM NGỌC TRUYỀN	DH13CC	<i>Truyền Phạm</i>		cấm thi				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12115218	TRẦN LÊ CẨM TÚ	DH12CB	<i>Tú Trần</i>		10	8,3	8,3	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12344152	VƯƠNG NHƯ TÚ	CD12CI							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13154198	LÊ ANH TUẤN	DH13OT	<i>Tuấn Lê</i>		10	3,8	6,8	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Chi tiết máy-207100

Ngày Thi : 23/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV335 Nhóm : 04 Tổ : 003

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi 30%	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	13115454	VÕ ANH TUẤN	DH13GN	<i>Tuấn</i>		9	5,5	6,4	6,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13118342	NGUYỄN XUÂN TÙNG	DH13CC	<i>Xuân</i>		10	8	6,5	7,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12153123	THIẾU DUY TÙNG	DH12CD	<i>Duy</i>		7	4,4	6,9	6,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13118063	LÊ VĂN TỰ QU	DH13CC	<i>Tự Qu</i>		10	7,5	4,5	5,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13154205	NGUYỄN VĂN ÚT	DH13OT	<i>Út</i>		10	7	9,0	8,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12115115	NGUYỄN TRÍ VIÊN	DH12GN	<i>Trí Viên</i>						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13154208	NGUYỄN THẾ VIÊN	DH13OT	<i>Viên</i>		10	5	4,3	5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12115130	NGUYỄN HOÀNG VŨ	DH12CB							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13154070	NGUYỄN VŨ HOÀNG	DH13OT							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 03

Hiện diện: 24

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Võ Đình Bửu

Cao Đức Lợi

TS. Võ Văn Tấn

ThS. Nguyễn Thị Kiều Hạnh

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 05

Tổ : 001

Trang 1/2

Mã nhận dạng 01530

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Chi tiết máy-207100

Ngày Thi : 23/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV337 Nhóm : 05 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (K%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13154001	VÕ TRƯỜNG AN	DH13OT	<i>[Signature]</i>	1	9,1	4,7	6	6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13154073	ĐẶNG TUẤN ANH	DH13OT	<i>[Signature]</i>	1	8,2	4,2	2	1,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13153034	PHẠM NHẬT ANH	DH13CD	<i>[Signature]</i>	1	8,2	5,8	6,9	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13137008	VŨ TUẤN ANH	DH13NL	<i>[Signature]</i>	1	5,5	4,2	4	4,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13118002	ĐẶNG NGỌC AN	DH13CK	<i>[Signature]</i>	1	8,2	5,6	5,2	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13154075	NGUYỄN HỒNG BẢO	DH13OT	<i>[Signature]</i>	2	10	8	6,8	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13153043	PHAN NGỌC CAO	DH13CD	<i>[Signature]</i>	2	10	7,9	7,6	7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13154084	TRẦN XUÂN CHÂU	DH13OT	<i>[Signature]</i>	1	7,3	2,5	4,6	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13154005	LƯU CÔNG CHÍ	DH13OT	<i>[Signature]</i>	1	8	4,4	3,5	4,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13153046	HUYỀN CÔNG CHÍNH	DH13CD	<i>[Signature]</i>	2	10	4	2,5	3,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13118006	TRẦN QUANG CHUNG	DH13CK	<i>[Signature]</i>	2	8,2	6,8	6,4	6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13154006	HOÀNG MINH CHƯƠNG	DH13OT	<i>[Signature]</i>	1	10	5,9	7,7	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13154090	VŨ VĂN CƯỜNG	DH13OT	<i>[Signature]</i>	2	10	8	4,2	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13153283	VŨ QUỐC DANH	DH13CD	<i>[Signature]</i>	1	10	7,5	6,5	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13118008	NGUYỄN HOÀI ANH DUY	DH13CK	<i>[Signature]</i>	1	8,2	5,3	3,3	4,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13154007	NGUYỄN HUỲNH DUY	DH13OT	<i>[Signature]</i>	1	10	7,3	8,8	8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13154008	VŨ THANH DUY	DH13OT	<i>[Signature]</i>	1	10	8	3,6	5,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13118104	NGUYỄN ĐÔNG DƯƠNG	DH13CK	<i>[Signature]</i>	1	9,1	7,3	3,2	4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Chi tiết máy-207100

Ngày Thi : 23/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV337 Nhóm : 05 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	13154009	NGUYỄN ĐỨC DƯƠNG	DH130T	<i>duong</i>	1	9,1	8	516	6,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13118112	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	DH13CK	<i>dat</i>	1	10	7	711	7,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13137048	NGUYỄN VĂN ĐĂNG	DH13NL	<i>den</i>	1	7,3	9	418	4,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13154012	NGUYỄN VĂN ĐIỀN	DH130T	<i>nguyen dien</i>	2	9,1	7,4	517	6,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13137051	NGUYỄN HOÀNG GIANG	DH13NL	<i>hien</i>	1	9	8	518	6,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13154014	CAO XUÂN GIÁP	DH130T	<i>gap</i>	1	10	5,9	61	6,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13154017	NGUYỄN VĂN HẬU	DH130T	<i>huu</i>	1	5,5	1,5	70	5,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	13154019	LÊ THỊ MINH HIỀN	DH130T	<i>minh hien</i>	1	10	8	9,1	9,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13154108	ĐỖ MINH HIẾU	DH130T	<i>huu</i>	2	10	6,7	81	8,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	13118017	TRẦN VĂN HIỆU	DH13CK	<i>hieu</i>	1	10	8	73	7,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	13138076	VÕ MINH HÒA	DH13TD	<i>ho</i>	1	10	7,2	414	5,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 0

Hiện diện: : 29

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Lê Quang Hiền

Nguyễn Thanh Phong

Trần Văn Hiền

Thị Nguyễn Thị Kiều Hằng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Chi tiết máy-207100

Ngày Thi : 23/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV400A Nhóm : 05 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	12115018	DƯƠNG VĂN	HOÀNG	DH12CB	10	5	4	4,8		Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13138083	NGUYỄN ĐỨC	HUY	DH13TD	8,2	7,4	6,8	7,1		Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13137071	TỔ QUỐC	HƯNG	DH13NL	V					Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13154125	TRẦN KHÁI	HƯNG	DH13OT	8	5,9	6,3	6,4		Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13154024	LẠI THỊ	HƯƠNG	DH13OT	10	7,5	6,6	7,1		Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13154026	TRẦN VĂN	KHẢ	DH13OT	10	7,5	6,3	6,9		Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13154025	NGUYỄN ĐOAN	KHANG	DH13OT	9,1	5,5	6,3	6,4		Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13153127	PHẠM QUỐC	KHÁNH	DH13CD	10	3,6	5,5	5,6		Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13154027	NGUYỄN LÊ	KHOA	DH13OT	10	4,7	4,4	5,0		Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13154029	HUỲNH VŨ	KIỆT	DH13OT	10	4,3	5,8	5,9		Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13137083	CHU BÀ HOÀNG	LÂM	DH13NL	10	6,5	2,5	4,1		Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13154135	NGUYỄN TẤN	LÂM	DH13OT	9,1	7,4	9,5	9,0		Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13154143	ĐÌNH TỬ	LỘC	DH13OT	7,3	0	4,2	3,7		Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12138069	NGUYỄN BÀ	LỘC	DH12TD	9,1	5	7,5	7,2		Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13154144	ĐOÀN	LỢI	DH13OT	10	7,3	3,1	4,6		Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13154035	CHÂU VINH	MINH	DH13OT	10	7,8	8,3	8,4		Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13154149	VÕ TẤN	NGA	DH13OT	10	6	9,1	8,6		Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13137097	ĐẶNG	NGUYỄN	DH13NL	10	4,3	4,8	5,2		Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Chi tiết máy-207100

Ngày Thi : 23/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV400A Nhóm : 05 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tử	Đ 1 (10%)	Đ 2 (20%)	Điểm thi 70/20	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	13154042	NGUYỄN VĂN PHI	DH13OT	<i>Phi</i>		10	10	10	10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☒ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	13154043	NGUYỄN HỮU PHONG	DH13OT	<i>Phong</i>		9,1	5,4	7,8	7,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
21	13137105	NGUYỄN THANH PHONG	DH13NL	<i>phong</i>		9	4,9	4,3	4,9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9
22	13118235	NGUYỄN VĂN PHONG	DH13CK	<i>V</i>						☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
23	13154046	VĂN VŨ HOÀNG	DH13OT	<i>Phu</i>		10	8	8,4	8,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
24	13154158	NGUYỄN HOÀI PHƯƠNG	DH13OT	<i>Phu</i>		8,2	7	7,5	6,1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
25	13137112	NGUYỄN MINH QUAN	DH13NL	<i>Phu</i>		9,1	6,5	8,1	7,9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9
26	13154161	THƯỢNG MINH QUANG	DH13OT	<i>Phu</i>		10	7,3	5	6,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
27	13154163	ĐÀO TRẦN PHÚ QUỐC	DH13OT	<i>Phu</i>		10	4,6	6,6	6,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
28	13118043	NGÔ THÀNH QUỐC	DH13CC	<i>Phu</i>		10	7,2	8,3	8,3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
29	13137116	NGUYỄN ĐỨC REO	DH13NL	<i>Phu</i>		9,1	4,4	6,9	6,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
30	13118046	KIM THÁI SƠN	DH13CC	<i>Phu</i>		10	7,5	3	4,6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
31	13154052	LÊ TRUNG TÁ	DH13OT	<i>Phu</i>		7,3	8	9,8	9,2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
32	13154053	HÀ CHÍ THANH	DH13OT	<i>Phu</i>		9,1	5,2	5,3	5,7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
33	13137133	NGUYỄN ĐẠI THIÊN	DH13NL	<i>Phu</i>						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
34	13154055	TRƯƠNG NGỌC THIÊN	DH13OT	<i>Phu</i>		10	7	5,4	6,2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
35	13334204	NGUYỄN HỒNG THUẬN	CD13CI	<i>Phu</i>		8,2	4,2	2,7	3,6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
36	13154060	NGUYỄN LÂM THUẬN	DH13OT	<i>Phu</i>		10	6,6	6,6	6,9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Chi tiết máy-207100

Ngày Thi : 23/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV400A Nhóm : 05 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
37	13154186	LỮ MINH TIẾN	DH13OT	<i>Minh Tiến</i>		10	31	32	61	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	13118056	VÕ DỨC	DH13CC	<i>Dức</i>		10	8	68	74	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	13154188	NGUYỄN DUY	DH13OT	<i>Duy</i>		10	3	39	43	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	13118058	LÊ QUANG	DH13CX	<i>Quang</i>		10	35	31	89	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	12344137	LÊ HIẾU	CD12CI	<i>Hiếu</i>		73	54	8	74	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	13118364	TRƯƠNG CÔNG HOÀI	DH13CK	<i>Hoài</i>		10	35	62	68	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	13137157	ĐOÀN NHẬT	DH13NL	<i>Nhật</i>		10	43	59	60	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	13118333	NGUYỄN ANH	DH13CC	<i>Anh</i>		10	8	77	80	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	13154067	PHẠM TRÌNH HOÀNG	DH13OT	<i>Trình</i>		10	8	83	84	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	13118349	DƯƠNG ĐỨC	DH13CC	<i>Đức</i>		9,1	3	9,8	84	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	13118065	LƯƠNG HOÀI	DH13CC	<i>Hoài</i>		10	8	85	86	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	13118066	NGUYỄN THẾ	DH13CC	<i>Thế</i>		8,2	76	79	79	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	13154069	NGUYỄN TUẤN	DH13OT	<i>Tuấn</i>		10	43	58	59	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 2 Hiện diện: 47

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Văn Bình

Nguyễn Hồng Khoa

TS. Nguyễn Văn Khoa

Thị Nguyễn Thị Kiều Hạnh

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Đồ án chi tiết máy - 01-207101

CBGD: Nguyễn Thị Kiều Hạnh (267)

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (10%)	Đ 2 (40%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	07119023	NGUYỄN CÔNG THÀNH	DH08CK17							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10119003	NGUYỄN VĂN LỢI	DH10CC	<i>ĐL</i>		9	5	3	4,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	10119009	NGUYỄN LẠI THANH	DH10CC	<i>HL</i>		10	7	7	7,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12118002	BÙI VĂN HẢI	DH12CC	<i>BV</i>		10	3	2	3,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12118008	LƯƠNG HỮU MINH	DH12CC	<i>LM</i>		8	5,4	5	5,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12118019	HỒ TẤN DUY	DH12CK	<i>HD</i>		5	3	3	3,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12118021	BÙI XUÂN LÂM	DH12CC							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12118022	ĐINH CÔNG SƠN	DH12CK	<i>DC</i>		10	7,5	7	7,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12118042	NGUYỄN DƯƠNG HOÀNG HUY	DH12CC	<i>HD</i>		7	3	3	3,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12118062	VÕ THANH MỆNH	DH12CC	<i>VT</i>		9	3	2	3,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12118063	LÊ MINH NAM	DH12CC	<i>LM</i>		10	3	2	3,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12118064	NGUYỄN THÁI NGỌC	DH12CK							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12118077	TRẦN THANH VŨ	DH12CC	<i>TT</i>		10	3	2	3,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12118082	LÊ VĂN SƠN	DH12CK	<i>LV</i>		10	9	9	9,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12118084	TRẦN QUANG HƯNG	DH12CC	<i>TQ</i>		10	3	2	3,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12118095	DƯƠNG CÔNG TRẠCH	DH12CK	<i>DT</i>		10	3	2	3,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12118096	HỒ TRẦN TRUNG TRÍ	DH12CC	<i>HT</i>		10	4	4	4,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12118103	TỔNG THANH VINH	DH12CC	<i>TV</i>		10	6,5	6,5	6,9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Đồ án chi tiết máy - 01-207101

CBGD: Nguyễn Thị Kiều Hạnh (267)

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (10%)	Đ 2 (40%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phân nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	12118105	NGUYỄN THANH VINH	DH12CC			10	6	6	6,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12118106	PHẠM VĨNH VŨ	DH12CC							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12118108	LÊ QUANG TƯỜNG	DH12CK							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12118109	VŨ NHƯ KHÁI	DH12CC							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12118111	LÊ MINH HẢI	DH12CC			10	3	2	3,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12118114	TÔ NGỌC QUANG	DH12CC			10	25	2	3,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12118117	NGUYỄN HUỖNH TÚ UYÊN	DH12CC			10	8	7	7,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 6

Hiện diện: : 19

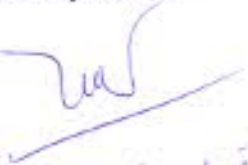
Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Lê Thị Kiều Hạnh


TS. Vũ Thị Kiều Hạnh


Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Lê Thị Kiều Hạnh

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cơ học kỹ thuật-207102

Ngày Thi : 16/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD202 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (202)	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	11154001	TRẦN THẾ AN	DH110T	<i>[Signature]</i>		1,5	3,6	3,0	8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	08154010	NGUYỄN TÂN	DH080T17	<i>[Signature]</i>		1,5	1,1	2,0	4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	11154060	ĐOÀN THẾ LUÂN	DH110T	<i>[Signature]</i>		1,5	4,1	2,5	8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11154042	NGÔ HOÀNG LUÂN	DH110T	<i>[Signature]</i>		1,5	1,3	2,5	5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11154045	CHU ĐỨC MINH	DH110T	<i>[Signature]</i>		1,5	2,7	2,5	6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11154041	VŨ ĐÌNH NHINH	DH110T	<i>[Signature]</i>		1,5	1,3	2,5	5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11154046	NGUYỄN TRỌNG NHƠN	DH110T	<i>[Signature]</i>		2,0	3,5	3,0	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	10154061	HỒ TÂN PHONG	DH100T	<i>[Signature]</i>		1,5	0,6	3,0	5,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11154012	NGUYỄN THANH PHONG	DH110T	<i>[Signature]</i>		1,5	2,6	3,0	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	10154032	ĐỖ VĂN QUÝ	DH100T	<i>[Signature]</i>		2,0	3,4	2,0	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11154014	UNG NGỌC QUÝ	DH110T	<i>[Signature]</i>		2,0	4,0	3,0	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	10154035	HỒ THÁI DANH SỸ	DH100T	<i>[Signature]</i>		1,0	1,3	1,7	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11154017	DƯƠNG NGUYỄN KHÁNH TÂN	DH110T	<i>[Signature]</i>		1,5	3,8	2,0	7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	10154041	ĐỖ TÂN THÁI	DH100T	<i>[Signature]</i>		1,0	1,3	2,0	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11154044	TRẦN MINH THANH	DH110T	<i>[Signature]</i>		1,5	3,3	3,0	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11154058	LÊ VĂN THÀNH	DH110T	<i>[Signature]</i>		1,5	3,2	3,0	7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11154019	TRƯƠNG HỮU THIÊN	DH110T	<i>[Signature]</i>		1,5	3,7	2,5	7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	10154045	VŨ CÔNG THUẬN	DH100T	<i>[Signature]</i>		1,5	3,2	1,5	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cơ học kỹ thuật-207102

Ngày Thi : 16/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD202 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%) 20 %	Đ 2 (%) 30 %	Điểm thi 30 %	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	11154020	VŨ TRẦN TIẾN	DH110T			1,5	3,5	3,0	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11154031	NGUYỄN CHÍ TRAI	DH110T			1,5	1,8	3,0	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	10154049	DƯƠNG MẠNH TRÍ	DH100T			1,5	2,2	3,0	7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11154052	PHẦN THANH TRUNG	DH110T			1,5	3,5	3,0	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	08154039	HOÀNG VĂN TRƯỜNG	DH080T17			1,5	1,0	2,0	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	11154061	NGUYỄN ANH TUẤN	DH110T							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11154054	PHẠM NHƯ VÂN	DH110T			1,5	1,8	3,0	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 1

Hiện diện: 24

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Văn Tiến

Cao Đức Lợi

Hoàng Văn Trường

Vũ Văn Tiến

Nguyễn Hải Đăng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cơ học lý thuyết-207103

Ngày Thi : 25/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi HD305 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13115144	HOÀNG ĐÔNG	A	DH13CB	<i>[Signature]</i>	0,25	0,5	0,25	1,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	14154001	LƯU ĐỨC TRƯỞNG	AN	DH14OT	<i>Cấm thi</i>					V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12154223	LÊ CÔNG TUẤN	ANH	DH12OT	<i>Anh</i>	0,0	1,3	0,5	1,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	14118002	LÊ VĂN THẾ	ANH	DH14CC	<i>[Signature]</i>	0,0	1,0	0,0	1,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13115150	TRẦN THỊ LAN	ANH	DH13CB	<i>al</i>	0,25	2,0	0,25	3,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	14154005	NÔNG CHẾ	BẢO	DH14OT	<i>B</i>	0,5	1,8	0,0	2,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	14153006	HỒ NGUYỄN VĂN	CÁNH	DH14CD	<i>Ca</i>	0,8	2,0	0,0	2,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	14154074	TÔ VĂN	CHẾ	DH14OT	<i>Cấm thi</i>					V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13334023	LÊ TUẤN	CHIẾN	CD13CI	<i>chưa</i>	<i>Cấm thi</i>				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	14118122	NGUYỄN	CƯỜNG	DH14CK	<i>Cu</i>	0,5	1,8	0,5	2,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	14118123	NGUYỄN NGỌC	CƯỜNG	DH14CK	<i>Cường</i>	0,5	2,0	3,0	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	14118128	NGUYỄN VĂN	DUY	DH14CK	<i>Duy</i>	0,75	1,25	0,0	2,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	14118012	PHẠM ĐĂNG	DUY	DH14CC	<i>Phạm</i>	<i>Cấm thi</i>				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	14118014	NGUYỄN BẢO	ĐÀM	DH14CC	<i>Nguyen</i>	0,5	1,8	3,5	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	14137026	ĐÀO MINH	ĐẠT	DH14NL	<i>Đ</i>	0,25	1,25	0,3	1,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12115236	HUỖNH VĂN	ĐẠT	DH12GN	<i>Đ</i>	0,5	1,0	0,3	1,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	14118016	PHẠM TÂN	ĐẠT	DH14CK	<i>Đ</i>	0,0	0,5	0,0	0,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13334253	TRẦN TIẾN	ĐẠT	CD13CI	<i>Đ</i>	<i>Cấm thi</i>				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cơ học lý thuyết-207103

Ngày Thi : 25/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi HD305 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	13115026	NGUYỄN THÀNH	ĐỒ	Dồ		0,5	1,0	1,0	2,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13115191	BÙI NGỌC	ĐỨC	Bùi		0,3	1,5	0,0	1,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13138052	TỔ MINH	ĐỨC	Tổ		0,5	1,0	2,5	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	14154016	TRẦN THANH TÚ	EM	Trần		1,0	2,0	3,5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	14118148	CAO THANH	GIANG	Cao		0,75	2,0	2,75	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	14118019	NGUYỄN HÙNG	GIANG	Nguyễn		0,3	2,0	0,0	2,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13115198	ĐÌNH BÀ	HÀ	Đinh		0,25	1,25	0,0	1,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	14153013	NGUYỄN SƠN	HÀ	Nguyễn		0,5	2,0	3,5	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	14118022	NGUYỄN MẠNH	HẢI	Nguyễn		1,3	2,0	0,0	2,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	13115204	VÕ THỊ MỸ	HÀO	Võ		1,0	2,0	2,5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	14118023	NGUYỄN PHÚC	HẬU	Nguyễn						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 03 Hiện diện: 26

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Vũ Văn Tiến

Kiên Văn Đức

Nguyễn Văn Dũng

Vũ Văn Tiến

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cơ học lý thuyết-207103

Ngày Thi : 25/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV335 Nhóm : 01 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phân nguyên	Tô tròn điểm phân lẻ
1	14118160	VÕ ĐỨC	HIỆP	DH14CC	26	0,3	1,5	0,0	1,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13115036	VÕ VĂN	HIỆP	DH13CB	40	0,5	1,3	0,5	2,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	14137036	NGUYỄN HỒNG	HIỆU	DH14NL	48	0,5	1,3	0,0	1,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13138261	NGUYỄN TRUNG	HIỆU	DH13TD	gluc	0,75	1,75	1,5	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	14154021	NÔNG QUỐC	HOÀN	DH14OT	hoàn	1,0	1,8	0,0	2,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	14118162	BÙI XUÂN	HOÀNG	DH14CK	tho	1,5	1,8	1	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13115220	NGUYỄN VŨ PHƯƠNG	HOÀNG	DH13CB	chính thi					V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	14154099	NGUYỄN ANH	HUY	DH14OT	Huy	0,25	2,0	2,25	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	14137042	NGÔ THỊ NGỌC	HUYỀN	DH14NL	x	0,75	1,5	0,25	2,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	14118178	TRẦN NGỌC	HÙNG	DH14CC	trung	1,5	2,0	0,5	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13154025	NGUYỄN ĐOÀN	KHANG	DH13OT						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13138094	PHẠM DUY	KHÁNH	DH13TD	chính thi					V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	14118187	NGUYỄN HỮU	KHÔI	DH14CC						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	14154034	ĐỖ TRỌNG	LÒI	DH14OT	trung	0,5	2,0	0,0	2,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12344080	NGUYỄN THÀNH	LỢI	CD12CI	tho	1,5	2,0	0,5	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13115274	PHẠM ĐỨC	LƯƠNG	DH13CB	chính thi					V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	14154036	HÀ THẾ	LƯƠNG	DH14OT	tho	0,25	1,25	1,0	2,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13115071	DƯƠNG CÔNG	MINH	DH13CB	minh	chính thi				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cơ học lý thuyết-207103

Ngày Thi : 25/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV335 Nhóm : 01 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	13137087	BÙI PHÚ HOÀNG	NAM	DH13NL	1	1,5	2,0	0,5	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	14154037	HOÀNG VĂN	NAM	DH14OT	1	0,3	2,0	2,0	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	14118207	NGUYỄN LÊ	NGUYỄN	DH14CK	1	Cấm thi				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	14118208	VÕ TẤN	NGUYỄN	DH14CC	1	0,75	2,0	1,25	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	14118046	NGUYỄN PHÚC BẢO	NHI	DH14CC	1	0,5	1,0	0,0	1,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13115317	NGUYỄN HỒ	PHAN	DH13CB	1	0,25	1,25	0,0	1,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	14154131	NGUYỄN TẤN	PHÁT	DH14OT	1	1,25	2,0	4,75	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	14154133	TRƯƠNG THÁI	PHI	DH14OT	1	0,5	1,5	0,3	2,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	14118217	ĐỖ THANH	PHONG	DH14CK	1	0,5	1,5	0,3	2,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	13154044	NGUYỄN THÀNH	PHÚC	DH13OT	1	0,5	1,75	1,75	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	14118230	VÕ VĂN	PHƯỚC	DH14CK	1					V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 6 Hiện diện: 23

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Thanh Duy

Nguyễn Vũ Ngọc Thanh

Đặng Xuân Dũng

Vũ Hoàng Tiên

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cơ học lý thuyết-207103

Ngày Thi : 25/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV337 Nhóm : 01 Tổ : 003

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13118242	NGUYỄN NGỌC THIÊN	QUANG	DH13CK	<i>Quang</i>	0,0	0,8	0,0	0,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13138167	NGUYỄN HOÀNG	QUÂN	DH13TD	<i>Quân</i>	0,3	1,5	1,0	2,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	14118238	TRƯƠNG TUẤN	SANG	DH14CC	<i>Quân</i>	0,75	1,75	1,5	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	14118239	VĂN CÔNG	SĨ	DH14CK	<i>Sĩ</i>	0,3	1,5	0,0	1,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	14118240	TRỊNH VĂN	SON	DH14CK	<i>Son</i>	0,0	1,25	0,25	1,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12344046	HOÀNG XUÂN	TÀI	CD12CI	<i>Tài</i>	1,5	2,0	0,5	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13115367	NGUYỄN ANH	TÀI	DH13CB	<i>Tài</i>	0,3	1,0	0,0	1,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	14137065	NGUYỄN MINH	TÀI	DH14NL	<i>V</i>	Còn thi				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	14154052	LÊ CAO	THẮNG	DH14OT	<i>Thắng</i>	0,8	1,75	3,25	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	14137073	NGUYỄN THANH	THẾ	DH14NL	<i>Thế</i>	0,75	1,25	1,0	3,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	14154146	NGUYỄN TRUNG	THIỆN	DH14OT	<i>Thiện</i>	1,0	1,5	0,3	2,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13138208	NGUYỄN VĂN	THIỆN	DH13TD	<i>Thiện</i>	0,75	1,75	0,5	3,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	14118069	NGUYỄN VĂN	THIỆN	DH14CK	<i>V</i>					V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	14118264	NGUYỄN XUÂN	THIỆU	DH14CK	<i>Thiệu</i>	0,0	0,8	0,0	0,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13115394	NGUYỄN HỮU	THO	DH13CB	<i>Tho</i>	0,3	0,5	0,0	0,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12115275	THÁI KIM	THÙY	DH12GN	<i>Thuy</i>	0,8	2,0	1,5	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	14154059	PHẠM VĂN	THỨC	DH14OT	<i>Thức</i>	0,8	1,5	0,0	2,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13334212	LÂM QUỐC	TIẾN	CD13CI	<i>Tiến</i>	0,0	0,5	0,0	0,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cơ học lý thuyết-207103

Ngày Thi : 25/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV337 Nhóm : 01 Tổ : 003

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số lũy	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	14118279	NGUYỄN DUY	TOÀN	DH14CX	V	Cơ học lý.				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	14118077	NGUYỄN VINH	TÚI	DH14CC	V	Cơ học lý.				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13115436	PHAN THỊ NGỌC	TRẦN	DH13GN	Nguyễn Ngọc	0,5	1,5	0,0	2,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13115444	TRẦN TRUNG	TRÍ	DH13CB	Trần Trung	0,75	1,5	0,25	2,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13334222	TÚ HỮU	TRÍ	CD13CI	Tú Hữu	Cơ học lý.				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	14118080	CAO VĂN	TRINH	DH14CC	Trần Văn	0,3	1,75	0,25	2,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	14137085	ĐÌNH THÀNH	TRỌNG	DH14NL	Đình Thành	0,25	1,5	1,75	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	13154194	NGUYỄN NHẬT	TRƯỜNG	DH13OT	Nguyễn Nhật	0,25	1,25	0,0	2,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	14154160	VŨ DUY	TÚ	DH14OT	Vũ Duy	1,0	2,0	5,0	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	13115135	DƯƠNG THU	UYÊN	DH13CB	Dương Thu	0,8	1,5	0,0	2,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	13138022	NGÔ QUỐC	VƯƠNG	DH13TD	Ngô Quốc	1,0	2,0	1,0	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	14118322	NGUYỄN DUY	XUÂN	DH14CX	Nguyễn Xuân	0,3	1,25	1,75	3,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 4

Hiện diện: 26

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Hải Triều Phạm Đức Dũng

Trần Văn Hữu

Vũ Thành Tròn

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cơ học lý thuyết-207103

Ngày Thi : 25/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV400A Nhóm : 02

Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13154073	ĐẶNG TUẤN	ANH	DH13OT		20	20			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	14154067	ĐỖ ĐỨC	ANH	DH14OT	Anh	1,3	1,5	0,5	3,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	14137101	HOÀNG TUẤN	ANH	DH14NL		20	20			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	14154058	HỒ VIỆT	ANH	DH14OT						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	14153065	LÊ NGỌC	ÂN	DH14CD	Ch	0,5	2,0	3,0	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13153036	NGUYỄN XUÂN	ẤT	DH13CD	At	0,75	1,25	1,0	3,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	14118102	HỒ CHÍ	BẢO	DH14CK	Ch	0,5	2,0	0,0	1,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13118004	NGUYỄN THẾ	BẢO	DH13CC	Th	1,25	1,5	1,25	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13137019	NGUYỄN VĂN	BÌNH	DH13NL	BV	0,5	0,3	0,0	1,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13115160	TRẦN THANH	CẨM	DH13GN	Th	0,3	1,0	0,0	1,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	14154073	LÊ KIM	CHIÊN	DH14OT		20	20			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13118089	BÙI THANH	CƯỜNG	DH13CC	Th	0,0	1,0	0,0	1,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13115010	TRẦN NGUYỄN PHÚ	CƯỜNG	DH13CB	Th	20	20			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	14154079	NGUYỄN THỊ BÍCH	DÂN	DH14OT	Dân	1,25	1,75	1,5	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13118101	ĐOÀN QUỐC	DŨNG	DH13CC	Dung	1,0	1,5	2,0	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	14153071	THÁI ANH	DŨNG	DH14CD	Dũng	0,75	1,25	2,0	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13153003	PHẠM TRẦN ANH	DUY	DH13CD		20	20			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13137037	TRẦN NGỌC	DUY	DH13NL	Th	0,5	1,3	0,0	1,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cơ học lý thuyết-207103

Ngày Thi : 25/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút

Phòng thi PV400A Nhóm : 02

Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	14137016	TRẦN THANH	DUY	<i>Trần</i>		0,5	1,0	1,3	2,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	14118013	BÙI TẤN	DƯƠNG	<i>Bùi Tấn</i>		0,25	1,25	0,0	1,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	14137024	NGUYỄN ĐỨC	DƯƠNG	<i>Nguyễn Đức</i>		1,5	1,5	3,0	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13118109	PHẠM	ĐẠI	<i>Phạm</i>		0,0	1,0	1,0	2,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	14114356	LÂM HỒNG	ĐÀO	<i>Lâm</i>		0,0	1,5	0,0	1,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	14153011	CHÂU KHÁNH	ĐẠT	<i>Châu</i>		1,0	1,5	1,5	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13137045	LÂM QUỐC	ĐẠT	<i>Lâm Quốc</i>		1,0	1,3	2,0	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	14118136	NGUYỄN QUỐC	ĐẠT	<i>Nguyễn Quốc</i>		0,0	1,0	0,0	1,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13153073	NGUYỄN VĂN	ĐẦU	<i>Nguyễn Văn</i>		Cấm thi				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	14154013	TRƯƠNG NHỰT	ĐIỀN	<i>Trương Nhựt</i>		0,25	0,75	0,0	1,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	14137028	NGUYỄN VĂN	ĐÔNG			Cấm thi				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	14154090	HỒ THANH	HÀI	<i>Hồ</i>		Cấm thi				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	14153015	ĐẶNG ĐÌNH	HIỆP	<i>Đặng Đình</i>		0,5	1,3	0,0	1,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	13137058	MAI HOÀNG	HIỆP	<i>Mai Hoàng</i>		1,25	1,5	1,25	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	14118158	VŨ VĂN	HIẾU	<i>Vũ Văn</i>		0,3	1,25	1,75	3,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	14153086	NGUYỄN XUÂN	HOÀI	<i>Nguyễn Xuân</i>		0,3	1,5	1,0	2,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	14153016	TRẦN DƯƠNG	HOÀN	<i>Trần Dương</i>		1,25	1,5	1,25	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	13118141	TRỊNH VĂN	HOÀN			Cấm thi				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cơ học lý thuyết-207103

Ngày Thi : 25/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV400A Nhóm : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
37	12154087	MÃ NHẬT	HUY	<i>Mã</i>		0,0	4,3	0,0	1,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	13115247	NGUYỄN MANH	KHA	<i>Kha</i>		0,3	0,5	0,0	0,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	14154107	QUÁCH NGUYỄN THÀNH	KHANG	<i>Kh</i>		1,3	2,0	1,0	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	14154110	LÊ MAI	KHOA	<i>Ke</i>		0,5	1,3	0,5	2,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	13138097	TRẦN TIẾN	KHÔI			Cấm thi				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	13334102	PHẠM TRUNG	KIÊN	<i>Phu</i>		1,5	1,5	1,0	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	13153136	NGUYỄN NHẬT	KING	<i>Phu</i>		1,0	1,5	1,5	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	13118193	TRẦN NGỌC	LẬP			Cấm thi				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	14153102	HỒ BẢO	LỘC	<i>Phu</i>		1,0	1,5	1,5	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	13154033	NGUYỄN PHƯỚC	LỘC	<i>Phu</i>		0,75	1,75	0,0	2,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	13153147	VÕ THÀNH	LUÂN	<i>Phu</i>		1,25	1,5	3,75	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	13334119	NGUYỄN THANH	LÝ			Cấm thi				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	13153150	NGUYỄN TIẾN	MANH	<i>Phu</i>		0,5	0,5	0,3	1,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	14154124	TRẦN HỮU	NGHĨA			Cấm thi				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 11 Hiện diện: 39

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Thị Kiều Trang

Nguyễn Hữu Hòa

Nguyễn Văn Dũng

Vũ Thanh Tiệp

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cơ học lý thuyết-207103

Ngày Thi : 25/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV400B Nhóm : 02

Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13115290	TRẦN NGUYỄN TRỌNG	NGHĨA	DH13GN	Nghĩa	0,3	1,5	0,0	1,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	14153038	LƯU THẾ	NHÂN	DH14CD	Lưu Thế	0,3	1,5	2,5	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13153165	NGUYỄN THÀNH	NHÂN	DH13CD	Nguyễn Thành	1,0	2,0	2,5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13115310	HUỖNH CHÍ	NHON	DH13CB	Như	1,25	0,8	2,25	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13118037	NGUYỄN	NHỰT	DH13CC	Nguyễn	1,0	1,75	1,25	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13115316	PHAN THỊ MỸ	NỮ	DH13CB	Phan Thị Mỹ	Cấm thi				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	14118215	VÕ TÂN	PHÁT	DH14CC	Võ Tân	0,75	1,0	1,25	3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13153172	NGUYỄN TIẾN	PHONG	DH13CD	Nguyễn Tiến	Cấm thi				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	14118221	NGUYỄN THANH	PHƯƠNG	DH14CK	Nguyễn Thanh	0,5	1,8	0,0	2,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12154247	NGUYỄN CHÁNH	QUANG	DH12OT	Nguyễn Chánh	1,0	1,0	1,0	3,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	14118057	TẠ MINH	QUÂN	DH14CK	Tạ Minh	0,0	0,5	0,0	0,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	14118058	HÀ TRỌNG	QUỐC	DH14CK	Hà Trọng	0,25	1,25	0,0	1,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13153191	LÊ TRỌNG	QUỐC	DH13CD	Lê Trọng	0,0	1,5	0,0	1,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	14154047	NGUYỄN QUỐC	SƯ	DH14OT	Nguyễn Quốc	1,0	1,8	0,0	2,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	14153117	PHẠM QUỐC	SỸ	DH14CD	Phạm Quốc	1,25	1,5	1,25	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13115370	NGUYỄN HOÀNG	TÂM	DH13GN	Nguyễn Hoàng					V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	14153118	PHAN THƯƠNG HOÀI L	TÂM	DH14CD	Phan Thương Hoài L	0,3	1,5	1,5	3,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	14115110	TRẦN NGỌC	TÂN	DH14CB	Trần Ngọc	Cấm thi				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cơ học lý thuyết-207103

Ngày Thi : 25/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV400B Nhóm : 02

Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	14118254	NGUYỄN HỮU THÁI	DH14CC	<i>Thái</i>		0,75	2,0	1,75	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13137128	PHAN LÊ NGỌC	DH13NL							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13153023	TẮNG THÁNH	DH13CD	<i>Thánh</i>		0,5	1,3	0,0	1,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12154182	PHAN DUY	DH12OT	<i>Duy</i>		0,25	1,0	0,75	2,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13118284	LÂM VĂN THIẾT	DH13CC	<i>Thiết</i>		0,5	1,5	0,0	2,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13153222	TRƯƠNG PHI THOÀN	DH13CD	<i>Phi</i>		1,0	1,5	1,5	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	14118268	NGUYỄN NHẬT THÔNG	DH14CK	<i>Thông</i>		1,0	1,0	0,0	2,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	14137080	NGUYỄN NGỌC THUẬN	DH14NL	<i>Thuận</i>		1,0	1,3	0,0	2,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	14153051	NGUYỄN VĂN NGỌC	DH14CD							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	14153052	PHAN MINH THUẬN	DH14CD	<i>Minh</i>		0,75	2,0	1,25	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	13153025	ĐẶNG VĂN THUYẾT	DH13CD	<i>Thuyết</i>		1,25	2,0	3,75	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	13153236	PHẠM TRỌNG TÍN	DH13CD	<i>Trọng</i>		0,25	1,5	1,75	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	14153053	NGUYỄN VĂN TÍNH	DH14CD	<i>Tính</i>		0,25	1,5	3,75	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	13115421	PHAN HỮU TOÀN	DH13GB	<i>Phan</i>		0,5	1,75	2,25	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	14153054	ĐINH NGỌC TRẦN	DH14CD	<i>Trần</i>		0,25	1,75	0,0	2,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	13137152	TRẦN ANH TRÍ	DH13NL	<i>Trí</i>		0,5	1,3	0,0	1,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	13115438	DƯƠNG THỊ HỒNG TRINH	DH13GB	<i>Trinh</i>		0,25	1,75	0,0	2,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	13115448	NGUYỄN THỊ THANH TRÚC	DH13CB	<i>Trúc</i>		1,75	2,0	3,25	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cơ học lý thuyết-207103

Ngày Thi : 25/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV400B Nhóm : 02

Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
37	14118290	NGUYỄN THÀNH	TRUNG	DH14CK						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	13115131	NGUYỄN TRUNG	TRÚC	DH13GN	thành	0,0	0,5	0,0	0,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	14153139	LÊ VĂN	TRƯỜNG	DH14CD	Qu	0,5	1,3	0,0	1,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	14118319	LÊ ANH	TUẤN	DH14CC	Tuan	0,5	1,3	0,0	1,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	13118332	LÊ QUỐC	TUẤN	DH13CX	Qu	0,75	1,5	1,25	4,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	13118334	NGUYỄN DUY	TUẤN	DH13CC	Qu	0,25	1,0	1,25	2,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	13118337	NGUYỄN THANH	TUẤN	DH13CX	Qu	0,8	1,5	0,0	2,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	14153141	PHẠM VĂN	TUẤN	DH14CD						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	13118064	NGUYỄN VĂN	TYL	DH13CX						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	13115467	PHẠM VŨ BÍCH	UYÊN	DH13GB	Uy	1,0	1,5	0,0	2,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	13153269	VŨ THÀNH	VĂN	DH13CD	thành	1,25	1,0	1,75	4,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	13118349	DƯƠNG ĐỨC	VINH	DH13CC	Vinh	1,25	2,0	4,75	8,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	13115474	NGUYỄN THANH	VINH	DH13CB	Qu	1,0	1,5	2,5	5,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	14118094	LÊ MINH	VŨ	DH14CC	Uy	0,5	2,0	0,0	2,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 8

Hiện diện: 42

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

N.V. Kiệp

Phạm Quang Thang

Áp Khoa Duyệt

Vũ Văn Tiến

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cơ học lý thuyết-207103

Ngày Thi : 25/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD303 Nhóm : 03 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	12344005	LÊ TRƯỜNG AN	CD12CI	Cấm thi						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12153028	DƯƠNG GIA BẢO	DH12CD	Cho		1,25	1,5	1,25	4,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13137015	PHẠM THÁI MINH BẢO	DH13NL	Cho		1,0	1,8	0,5	3,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11134006	LÂM NGỌC BÍCH	DH11GB	Cấm thi						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13153044	LÊ VĂN CẢNH	DH13CD	Cho		1,75	2,0	2,25	6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13334018	NGUYỄN VĂN CẢNH	CD13CI	Cho		1,5	1,75	2,25	5,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12153041	NGUYỄN CHÍ CƯỜNG	DH12CD	Cho		1,75	2,0	0,25	4,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13118007	NGUYỄN VIỆT CƯỜNG	DH13CK	Cấm thi						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12115234	NGUYỄN ANH DŨNG	DH12GN	Cho		1,75	2,0	1,75	5,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	14137023	NGUYỄN CÔNG DƯƠNG	DH14NL	Cấm thi						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13153063	TRẦN VĂN DƯƠNG	DH13CD	Cho		0,8	1,5	0,5	2,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13118112	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	DH13CK	Cho		1,5	1,0	2,0	4,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13153074	K' ĐỆ	DH13CD	Cấm thi						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13334049	NGUYỄN HUY ĐÔNG	CD13CI	Cấm thi						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13138050	HỒ ANH ĐỨC	DH13TD	Cho		1,5	1,75	2,25	5,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13334050	NGUYỄN TẤN ĐỨC	CD13CI	Cho		1,5	1,5	1,0	4,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12118033	ĐỖ VĂN HẢI	DH12CC	Cho		0,25	1,25	0,5	2,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13115214	HỒ XUÂN HOÀNG	DH13CB	Cho		0,5	1,8	0,5	2,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cơ học lý thuyết-207103

Ngày Thi : 25/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD303 Nhóm : 03 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	13334074	LƯƠNG VĂN	HOÀNG	CD13CI	<i>Lương Văn</i>	0,5	1,0	0,0	1,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12344055	NGUYỄN ĐẮC	HOÀNG	CD12CI	<i>Nguyễn Đắc</i>	1,5	2,0	0,5	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13334077	ĐƯỜNG KHOA	HỌC	CD13CI	<i>Đường Khoa</i>	1,5	1,75	0,75	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	14118168	NGUYỄN THÁI	HỌC	DH14CK	<i>Nguyễn Thái</i>	0,3	1,0	0,0	1,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13153110	ĐOÀN ĐỨC	HUY	DH13CD	<i>Đoàn Đức</i>	1,0	2,0	4,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13153111	ĐỖ NGỌC QUỐC	HUY	DH13CD	<i>Đỗ Ngọc Quốc</i>	1,25	1,0	1,25	3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12137021	PHẠM ĐỨC	HUY	DH12NL	<i>Phạm Đức</i>	1,0	2,0	1,5	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	14154025	NGUYỄN PHÚC	HƯNG	DH14OT	<i>Nguyễn Phúc</i>	1,0	2,0	3,5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13118177	ĐÀO VĂN	KHÁI	DH13CC	<i>Đào Văn</i>	0,8	0,5	0,0	1,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	13118181	NGUYỄN VĂN	KHÁNH	DH13CK	<i>Nguyễn Văn</i>	1,5	1,0	1,5	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	13153010	NGUYỄN ANH	KHÔI	DH13CD	<i>Nguyễn Anh</i>	1,25	1,75	1,0	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	13334106	NGUYỄN VĂN	LÂN	CD13CI	<i>Nguyễn Văn</i>	cấm thi				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12344048	NHỮ VĂN	LINH	CD12CI	<i>Nhữ Văn</i>	1,25	1,75	1,0	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	14118038	THƯƠNG CÔNG	LỘC	DH14CK	<i>Thương Công</i>	0,3	1,5	0,0	1,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	13138113	PHẠM HỮU	LUÂN	DH13TD	<i>Phạm Hữu</i>	cấm thi				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	13115067	TRẦN Ý	LY	DH13CB	<i>Trần Ý</i>	1,5	2,0	2,3	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	10115017	ĐOÀN VĂN	MẠNH	DH10CB	<i>Đoàn Văn</i>	1,25	2,0	1,25	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	14118198	MAI VĂN	MINH	DH14CK	<i>Mai Văn</i>	cấm thi				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cơ học lý thuyết-207103

Ngày Thi : 25/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD303 Nhóm : 03 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
37	14153035	ĐẶNG THÀNH	NGHĨA	DH14CD						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
38	13118031	TRƯƠNG MINH	NGHĨA	DH13CC	<i>minh</i>	1,25	1,8	1,25	1,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
39	12138131	LÊ QUANG	NGỌC	DH12TD	<i>quang</i>	1,3	1,5	0,0	2,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
40	14118206	LÊ TỬ	NGUYỄN	DH14CC	<i>tu</i>	0,25	1,75	1,5	3,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số lượng vắng: 10

Hiện diện: 30

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Đào Duy Vinh

Nguyễn Văn Thanh

Trần Tuấn Dũng

Vũ Thanh Trish

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cơ học lý thuyết-207103

Ngày Thi : 25/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD304 Nhóm : 03 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	12344118	NGUYỄN NGỌC NGUYỄN	CD12CI	<i>ngoc</i>	30	0,25	1,0	0,25	2,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13153164	LƯU NGỌC NHẬN	DH13CD	<i>luu</i>		0,0	1,0	0,0	1,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12115108	NGUYỄN THÀNH NHON	DH12CB	<i>thanh</i>		0,75	1,5	0,25	2,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13138141	NGUYỄN HUỖNH NHƯÔNG	DH13TD	<i>huong</i>		1,75	2,0	0,25	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12344103	PHẠM VĂN PHÁT	CD12CI	<i>pham</i>		1,75	2,0	0,25	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12153120	MAI TUẤN PHONG	DH12CD	<i>mai</i>		1,5	2,0	1,0	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13138150	NGUYỄN THANH PHONG	DH13TD		<i>can thi</i>					V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13153176	HUỖNH NGUYỄN PHÚC	DH13CD	<i>my</i>		0,5	1,25	1,25	3,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12344107	NGUYỄN LỘC PHÚC	CD12CI		<i>can thi</i>					V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13137110	NGUYỄN MINH PHÚC	DH13NL	<i>thuc</i>		0,75	1,25	0,0	2,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13137111	NGUYỄN QUỐC PHÚC	DH13NL	<i>quoc</i>		0,5	1,5	0,0	2,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13115489	HÀ THU PHƯƠNG	DH13CB	<i>phuong</i>		0,5	1,75	0,75	3,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12153125	ĐỖ BÁ QUANG	DH12CD	<i>quang</i>		1,25	1,75	1,5	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13153018	DIỆP CHÍ QUÂN	DH13CD	<i>quan</i>		0,5	1,0	2,5	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13153032	NGUYỄN QUANG QUÂN	DH13CD		<i>can thi</i>					V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12153130	ĐỖ VĂN SANG	DH12CD	<i>sang</i>		0,5	1,0	1,5	3,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13137119	NGUYỄN HẢI SƠN	DH13NL	<i>son</i>		0,0	1,3	0,0	1,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	14154048	NGUYỄN VĂN SỰ	DH14OT	<i>su</i>		1,0	2,0	1,5	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cơ học lý thuyết-207103

Ngày Thi : 25/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD304 Nhóm : 03 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	12118115	NGUYỄN NGỌC TÀI	DH12CK	<i>A Tài</i>		0,25	1,25	0,0	1,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12344175	PHẠM NGỌC TẤN	CD12CI	<i>tan</i>		0,15	0,8	0,0	1,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	14153123	ĐỖ HỒNG THÁI	DH14CD	<i>Thái</i>		0,25	1,75	2,0	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12153134	HUỖNH TUẤN	DH12CD		<i>Cấm thi</i>					V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13138195	HÀ ĐÌNH THÀNH	DH13TD	<i>AS</i>		1,0	1,8	0,0	2,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13334179	PHAN VĂN THÀNH	CD13CI		<i>Cấm thi</i>					V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13115386	NGUYỄN THỊ THANH	DH13CB	<i>thanh</i>		1,75	1,75	2,0	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12344192	NGUYỄN VĂN THỜI	CD12CI	<i>ng v</i>		0,0	0,5	0,0	0,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13115398	ĐÌNH THỊ THU	DH13CB	<i>AS</i>		1,5	2,0	0,5	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	13115413	TRẦN ANH THƯ	DH13CB	<i>thư</i>		0,3	0,15	0,0	0,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	13115115	VĂN THỊ HOÀNG THƯ	DH13CB	<i>th</i>		0,5	0,15	0,0	1,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12137046	BÙI ANH THƯƠNG	DH12NL	<i>thương</i>		1,25	1,75	1	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	11169015	LÊ TẤN THƯƠNG	DH11GN							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	12344181	VĂN ĐỨC TOÀN	CD12CI	<i>Toàn</i>		0,15	1,0	0,0	1,15	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	12115100	NGUYỄN XUÂN TRÍ	DH12CB	<i>Xuân</i>		1,5	2,0	0,15	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	13115441	TRẦN THỊ DIỆM	DH13CB	<i>Diễm</i>		1,25	2,0	0,75	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	12344137	LÊ HIẾU TRUNG	CD12CI	<i>Trung</i>		1,5	1,75	0,75	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	13153246	TỪ SỸ TRUNG	DH13CD		<i>Cấm thi</i>					V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cơ học lý thuyết-207103

Ngày Thi : 25/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD304 Nhóm : 03 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
37	12153156	NGÔ NHẬT TRƯỜNG	DH12CD			1,5	2,0	3,5	7,0	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	12115115	NGUYỄN TRÍ VIỄN	DH12GN			cấm thi				Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	13115475	TRƯƠNG XUÂN VINH	DH13CB			cấm thi				Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	14118314	LƯƠNG TRỌNG VŨ	DH14CK			0,0	1,8	2,5	4,3	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 8 Hiện diện: 33

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Trưởng Q. Trưởng

Phan Minh Hiền

Nguyễn Xuân Dũng

Võ Thành Tiến

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cơ học lý thuyết-207103

Ngày Thi : 25/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD305 Nhóm : 04 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13334005	LÊ THANH TÚ	ANH	CD13CI	Anh	1,5	1,75	0,25	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13137011	NGUYỄN THIÊN	ÂN	DH13NL	Cần thi					V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	14118103	NGUYỄN HOÀI	BẢO	DH14CK	Hoài	0,5	2,0	0,5	3,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	14118005	NGUYỄN THÁI GIA	BẢO	DH14CK	Cần thi					V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13153042	TẠ VĂN	BÌNH	DH13CD	Vu	0,0	0,75	0,25	1,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13118091	NGUYỄN DUY	CƯỜNG	DH13CK	Cuong	1,25	2,0	2,25	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13137032	ĐỖ VĂN	DUY	DH13NL	Duy	1,5	2,0	0,5	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13137046	NGUYỄN TẤN	ĐẠT	DH13NL	Cần thi					V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13153004	TRƯƠNG NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	DH13CD	Đạt	1,25	1,25	1,0	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13115206	BÙI THỊ ÁI	HẬU	DH13GN	Hau	1,0	2,0	1,0	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13115208	TRƯƠNG THỊ MINH	HIỂN	DH13CB	Minh	1,5	1,75	0,25	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13115210	VŨ THỊ	HIỂN	DH13CB	Vu	2,0	2,0	3,0	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13334061	NGUYỄN THẾ	HIỂN	CD13CI	Thi	1,5	2,0	0,5	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11115003	VŨ VĂN	HIỂN	DH11CB	Cần thi					V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13334070	THÁI MINH	HIỆP	CD13CI	Minh	1,25	1,75	1,0	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13334067	PHAN DUY	HIẾU	CD13CI	Cần thi					V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11344021	NGUYỄN THỊ	HOA	CD11CI	Hoa	1,0	2,0	1,0	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	14154097	HOÀNG VĂN	HÒA	DH14OT	Hoa	1,0	2,0	2,5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cơ học lý thuyết-207103

Ngày Thi : 25/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD305 Nhóm : 04 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (7,5%)	Đ 2 (1,5%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	12344169	LÊ MINH	HÓA	CD12CI	<i>Minh</i>	1,0	2,0	2,5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13153104	HÀ LÝ GIA	HOÀNG	DH13CD	<i>gi</i>	1,0	1,5	0,3	2,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13153108	BÀN THỂ	HỒNG	DH13CD	<i>hoat</i>	0,25	1,75	0,0	2,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12137023	LƯU ĐÌNH	HƯNG	DH12NL	<i>lu</i>	1,5	1,75	0,75	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13334090	TRẦN DUY	HƯNG	CD13CI		cấm thi				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13153124	NGUYỄN TRỌNG	KHANG	DH13CD	<i>trung</i>	1,0	1,8	0,0	2,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13137076	ĐỖ ĐĂNG	KHOA	DH13NL	<i>do</i>	0,5	1,0	2,5	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	13138098	VŨ VĂN	KHƯƠNG	DH13TD	<i>vu</i>	0,5	0,5	0,0	1,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12344067	TRỊNH CAO	KỶ	CD12CI	<i>trinh</i>	1,5	2,0	0,5	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	13115257	PHẠM THỊ NHƯ	LIÊU	DH13CB	<i>nhu</i>	0,5	1,5	2,0	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	14118191	TRẦN HOÀI	LINH	DH14CK	<i>thien</i>	1,3	2,0	1,0	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	13115272	NGUYỄN THỊ KIM	LUYẾN	DH13CB	<i>luyen</i>	1,0	1,5	0,0	2,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	13118209	ĐỖ VĂN	MÌNH	DH13CK	<i>doan</i>	0,5	1,25	0,25	2,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	14137004	NGUYỄN HOÀI	NAM	DH14NL		cấm thi				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 7

Hiện diện: 25

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Phạm Duy Lâm

Lê Quang Thi

Nguyễn Duy

Vũ Hoàng Tiên

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cơ học lý thuyết-207103

Ngày Thi : 25/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD401 Nhóm : 04 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13154039	NGUYỄN VĂN NGHĨA	DH130T	<i>Nguyễn Văn Nghĩa</i>	0,5	2,0	0,0	2,5		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13118032	TRƯƠNG QUỐC NGHĨA	DH13CC	<i>Cấm thi</i>						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12153114	NGUYỄN HOÀI NHÂN	DH12CD	<i>Cấm thi</i>						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12344100	PHẠM QUỲNH NINH	CD12CI	<i>Cấm thi</i>						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13137103	NGUYỄN TĂNG PHÁT	DH13NL	<i>Cấm thi</i>						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12344185	NGUYỄN THANH PHONG	CD12CI	<i>Phong</i>	1,5	1,75	0,75	4,0		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13138156	NGUYỄN HỒNG PHÚC	DH13TD	<i>Phúc</i>	1,0	1,5	0,8	3,3		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	14118231	LÊ ĐÌNH ĐĂNG QUANG	DH14CK	<i>Cấm thi</i>						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13138168	BÙI CÔNG QUYỀN	DH13TD	<i>Quyền</i>	1,5	1,5	0,0	3,0		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13138178	NGÔ QUỐC SỬ	DH13TD	<i>Quốc Sứ</i>	1,25	1,75	5,0	8,0		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	14154139	LÊ TÂN TÀI	DH14OT	<i>Tài</i>	0,0	1,5	2,0	3,5		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13138181	PHẠM VĂN TÂM	DH13TD	<i>Tâm</i>	1,25	1,75	1,0	4,0		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12344113	VŨ THIÊN TÂM	CD12CI	<i>Tâm</i>	1,0	2,0	1,0	4,0		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	14137068	NGUYỄN VIỆT TÂN	DH14NL	<i>Tân</i>	0,0	1,0	1,0	2,0		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12115028	LÊ NHẬT THANH	DH12GB	<i>Thanh</i>	0,5	1,5	0,0	2,0		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12118092	NGUYỄN CHÍ THANH	DH12CK	<i>Thanh</i>	0,75	1,0	0,25	2,0		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13334181	TRẦN VĂN THÀNH	CD13CI	<i>Thành</i>	<i>Cấm thi</i>					V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11344036	ĐỖ VĂN THẮNG	CD11CI	<i>Thắng</i>	0,0	1,5	0,0	1,5		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cơ học lý thuyết-207103

Ngày Thi : 25/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD401 Nhóm : 04 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	13137135	TRẦN HOÀNG THIÊN	DH13NL			0,5	0,5	0,5	1,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13154056	VÕ HOÀN THIÊN	DH13OT			0,85	2,0	0,85	2,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12344111	VÕ TẤN	CD12CI			1,5	2,0	0,5	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11134010	LÊ TRÀ	DH11GB			1,75	1,75	0,5	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13138211	TỔNG TRẦN	DH13TD			1,0	1,3	1,0	2,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12344135	NGUYỄN LỘC	CD12CI			1,85	1,75	1,0	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiện diện: :

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Hải Đăng

Nguyễn Thị Ngọc Lan

Nguyễn Văn Dũng

Võ Thành Tiến

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cơ học lý thuyết-207103

Ngày Thi : 25/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD402 Nhóm : 04 Tổ : 003

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	12115032	PHAN NGỌC THUY	DH12GB		✓	0,0	1,5	0,8	2,3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	13334208	NGUYỄN MANH TRẦN	CD13CI	✓	✓	Cấm thi				☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	13334214	TRẦN QUỐC TÍN	CD13CI			Cấm thi				☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	13137145	VÕ TRỌNG TÍN	DH13NL	✓	✓	Cấm thi				☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	12115307	HUỲNH VĂN TÍNH	DH12GB			0,3	1,0	0,0	1,3	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	14118078	NGUYỄN CÔNG TRẠNG	DH14CC			0,3	1,5	0,0	1,8	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	13334226	ĐẶNG THƯƠNG	CD13CI			Cấm thi				☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	12344139	NGUYỄN BÁ TRUNG	CD12CI	✓	✓	Cấm thi				☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	13118319	NGUYỄN HUY TRUNG	DH13CC	✓	✓					☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	13138018	NGUYỄN THANH TRUNG	DH13TD			1,0	2,0	1,5	4,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	13334227	PHẠM THANH TRUNG	CD13CI	✓	✓	Cấm thi				☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	11169024	NGUYỄN THỊ THANH TRUYỀN	DH11GN			1,5	1,75	0,75	4,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	13118326	NGUYỄN NHẬT TRƯỞNG	DH13CC			0,5	1,8	0,0	2,3	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	13137158	NGUYỄN MINH TÚ	DH13NL			0,0	0,8	0,0	0,8	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	13138248	NGUYỄN THANH TÚ	DH13TD			1,0	1,5	0,0	2,5	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	13334236	PHẠM MINH TÚ	CD13CI	✓	✓	Cấm thi				☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	13334233	NGUYỄN HOÀNG TUẤN	CD13CI	✓	✓	Cấm thi				☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
18	14153058	NGUYỄN VĂN TUẤN	DH14CD			1,0	0,8	1,0	2,8	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cơ học lý thuyết-207103

Ngày Thi : 25/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD402 Nhóm : 04 Tổ : 003

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	13138020	TRẦN THANH TUẤN	DH13TD			0,5	0,5	0,0	1,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13118062	NGUYỄN MINH TÙNG	DH13CK	✓	✓	cấm thi				(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12344153	TRẦN ĐÌNH TƯỜNG	CD12CI			1,5	1,75	0,75	4,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13115466	VÕ NHỰT TƯỜNG	DH13GN			0,5	1,0	0,0	1,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13115479	PHAN QUỐC VŨ	DH13CB			0,75	1,75	1,5	4,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13153030	TẠ NGỌC SƠN	DH13CD	✓	✓	cấm thi				(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 9

Hiện diện: 15

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Ngô Thị Hồng Diệp

Lê Văn Tuấn

Nguyễn Văn Dũng

Võ Thành Tiến

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cơ học lý thuyết-207103

Ngày Thi : 25/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD501 Nhóm : 06 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13118071	MAI CÔNG ANH	DH13CK	<i>MC</i>		1,0	2,0	1,0	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10138055	NGUYỄN LÊ BẢNG	DH10TD		<i>Cấm thi</i>					V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13153045	TRẦN ĐỨC CẢNH	DH13CD	<i>Cảnh</i>		1,5	1,0	1,8	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12344164	ĐẶNG MINH CHÂU	CD12CI	<i>Châu</i>		0,75	2,0	1,75	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12138001	NGUYỄN TRƯỜNG CHINH	DH12TD		<i>Cấm thi</i>					V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	14154007	NGUYỄN THÀNH CÔNG	DH14OT	<i>Công</i>		0,5	2,0	0,0	2,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13115011	LÊ THỊ DANH	DH13CB							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13153283	VÕ QUỐC DANH	DH13CD	<i>2</i>		1,0	1,5	1,5	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	10153055	ĐOÀN ANH DUY	DH10CD		<i>Cấm thi</i>					V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	14118011	NGUYỄN ANH DUY	DH14CC	<i>Duy</i>		0,5	1,5	0,0	2,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13115018	LÊ THỊ DUYÊN	DH13CB	<i>Duyên</i>		1,5	2,0	0,5	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12344032	NGUYỄN TRÙNG DƯƠNG	CD12CI	<i>Dương</i>		1,25	2,0	0,75	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12153053	DƯƠNG NGỌC ĐA	DH12CD	<i>Đa</i>		0,3	1,0	0,0	1,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13118108	LÂM HỮU NGUYÊN ĐAN	DH13CK	<i>Đan</i>		0,75	1,5	0,25	2,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13153068	MAI QUỐC ĐẠT	DH13CD	<i>Đạt</i>		0,0	1,5	1,5	3,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12138035	PHAN TIẾN ĐẠT	DH12TD	<i>Đạt</i>		1,25	1,5	2,25	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13334047	TRẦN QUỐC ĐẠT	CD13CI	<i>Đạt</i>	<i>Cấm thi</i>					V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13118119	NGÔ HỮU HOÀI ĐỖ	DH13CK		<i>Cấm thi</i>					V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cơ học lý thuyết-207103

Ngày Thi : 25/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD501 Nhóm : 06 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	14154015	HUỖNH THIÊN ĐỨC	DH14OT							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
20	13154014	CAO XUÂN GIÁP	DH13OT	<i>g</i>		0,3	1,5	4,0	2,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
21	12138060	NGUYỄN VĂN HẢI	DH12TD							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
22	13118132	NGUYỄN VĂN HẢI	DH13CK	<i>g</i>		0,3	2,0	0	2,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
23	14118155	HUỖNH CAO TRUNG HẬU	DH14CK							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
24	13115032	TIÊU THỊ HẬU	DH13CB	<i>thao</i>		0,5	1,5	0,3	2,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
25	13154108	ĐỖ MINH HIẾU	DH13OT	<i>g</i>		0,75	2,0	2,25	5,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
26	13118140	ĐẶNG NGỌC HIẾU	DH13CK	<i>g</i>		1,25	1,75	1,0	4,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số lượng vắng: 8

Hiện diện: 19

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

g
Bùi Công Hào

g
Nguyễn Thanh Hòa

g
Nguyễn Văn Duy

g
Vũ Hoàng Triều

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cơ học lý thuyết-207103

Ngày Thi : 25/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD502 Nhóm : 06 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	12153174	NGUYỄN KHẮC HÒA	DH12CD	<i>lu</i>		1,5	2,0	0,5	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13118146	NGUYỄN QUỐC HÒA	DH13CC	<i>g</i>		1,25	1,25	0,5	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13334075	NGUYỄN HUY HOÀNG	CD13CI	<i>h</i>		1,25	2,0	0,75	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12115011	NGUYỄN VĂN HOÀNG	DH12GN	V						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12115019	PHẠM QUỐC HOÀNG	DH12GN	<i>ph</i>		1,0	2,0	1,0	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	14154096	TRẦN THANH HOÀNG	DH14OT	<i>thanh</i>		0,75	2,0	4,25	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13118019	VŨ XUÂN HOÀNG	DH13CC	<i>phong</i>		0,75	1,25	1,5	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13153109	NGUYỄN TẤN HỒNG	DH13CD	<i>hong</i>		0,5	0,75	1,25	2,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13115232	CÁP HỮU HÙNG	DH13CB	V						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	14154022	NGUYỄN KHÁNH HUY	DH14OT	<i>huy</i>		0,3	2,0	0,0	2,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13154125	TRẦN KHAI HÙNG	DH13OT	<i>huy</i>		1,3	2,0	1,0	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12115206	TRẦN THỊ KIM HƯƠNG	DH12CB	<i>thi</i>		1,0	1,5	1,8	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13115052	NGUYỄN PHẠM PHÚ HỮU	DH13CB	<i>h</i>		0,0	4,3	0,0	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13154026	TRẦN VĂN KHÁ	DH13OT	<i>tr</i>		1,25	2,0	2,25	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12154120	BÙI NGỌC KHOA	DH12OT	<i>ng</i>		0,5	1,0	1,8	3,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13138096	VŨ ANH KHOA	DH13TD	V						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	14154028	ĐẶNG TUẤN KIẾT	DH14OT	<i>dt</i>		1,3	1,0	0,0	2,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13115056	PHẠM VŨ KIẾT	DH13CB	V						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cơ học lý thuyết-207103

Ngày Thi : 25/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD502 Nhóm : 06 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	13154030	PHẠM VĂN	LÂM	DH130T	<i>Long</i>	0,5	1,8	0,5	2,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12115249	PHẠM THỊ KIM	LOAN	DH12CB	<i>K</i>	1,25	1,25	1,0	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12115208	NGUYỄN VƯƠNG	LONG	DH12GN	<i>V</i>	Cấm thi				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12344078	TRẦN ĐỨC	LONG	CD12CI	<i>V</i>	Cấm thi				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	14118193	TRẦN NHƯ	LONG	DH14CC	<i>Long</i>	0,5	1,5	0,3	2,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12344047	TRƯƠNG HOÀI	LONG	CD12CI	<i>gtx</i>	0,0	0,5	0,0	0,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	14154033	TRẦN PHẠM	LỘC	DH140T	<i>Trần</i>	0,5	2,0	0,3	2,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	13334111	TRẦN VĂN	LỘC	CD13CI	<i>Đào</i>	1,75	1,75	0,5	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:
Cán bộ coi thi 1

6

Hiện diện :

20

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Long
Lê Văn Bân

Nguyễn Đức Cảnh
Nguyễn Đức Cảnh

Trần
Trần Kiều Dung

Vũ Hoàng Trâm
Vũ Hoàng Trâm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cơ học lý thuyết-207103

Ngày Thi : 25/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD503 Nhóm : 06 Tổ : 003

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	12344027	NGUYỄN THÀNH	LỢI	CD12CI	Thư	Cấm thi				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13334114	NGUYỄN THÀNH	LUÂN	CD13CI		Cấm thi				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13115271	ĐẶNG HOÀNG	LUÔNG	DH13CB	Lương	0,25	1,25	0,0	2,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13115066	TRẦN XUÂN	LY	DH13CB	Trần	1,75	2,0	4,25	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13115072	HOÀNG TRIỆU	NAM	DH13GN	nam	0,3	1,0	0,0	1,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12115157	THÁI THỊ KIM	NGÂN	DH12GN	ngân	1,0	2,0	1,5	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12115144	MAI THỊ THẢO	NGUYỄN	DH12GN	mai	1,0	2,0	1,0	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13118220	NGUYỄN NGỌC	NGUYỄN	DH13CC	ngọc	0,25	1,25	0,8	2,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13334133	LÊ HỮU	NHÂN	CD13CI	nh	1,5	1,75	0,75	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13153168	NGUYỄN HOÀNG MINH	NHẬT	DH13CD	Minh	0,25	0,75	0,0	2,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	14118216	NGUYỄN NHẬT	PHI	DH14CX	phi	0,5	1,75	1,75	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13154157	LÊ HỒNG	PHONG	DH13OT	hồng	0,0	1,0	0,0	1,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13137109	BÙI VĂN	PHÚC	DH13NL	phúc	0,5	1,0	0,0	1,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	14137055	MÃ VĂN KIM	PHÚC	DH14NL		Cấm thi				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12115007	NGUYỄN ĐẠI	PHÚC	DH12GN		V				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13154158	NGUYỄN HOÀI	PHƯƠNG	DH13OT	ph	1,0	1,0	0,0	2,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13115337	TRƯƠNG NỮ HOÀI	PHƯƠNG	DH13CB	phương	0,5	2,0	2,0	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11344038	LÂM TUẤN	QUANG	CD11CI		Cấm thi				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cơ học lý thuyết-207103

Ngày Thi : 25/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD503 Nhóm : 06 Tổ : 003

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	13154161	THƯỢNG MINH QUANG	DH13OT	<i>Thượng</i>		0,5	1,0	0,0	1,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13154048	PHẠM HỮU QUÍ	DH13OT	<i>Phạm</i>		0,5	1,5	1,0	3,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13154163	ĐÀO TRẦN PHÚ QUỐC	DH13OT	<i>Đào</i>		1,5	1,0	0,3	2,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13115351	HỒ PHÚC QUY	DH13CB	<i>Hồ</i>		0,5	1,5	0,3	2,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12115302	BÙI NGUYỄN NHƯ	DH12GN	<i>Bùi</i>		1,25	1,25	0,5	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13115090	NGUYỄN NHƯ QUỲNH	DH13CB	<i>Nguyễn</i>		0,25	1,5	0,25	3,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13137116	NGUYỄN ĐỨC REO	DH13NL	<i>Nguyễn</i>		0,0	1,0	0,0	1,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	13115358	ĐÀO THỊ KIM SANG	DH13CB	<i>Đào</i>		1,25	2,0	0,25	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13115359	NGUYỄN NGỌC SANG	DH13CB	<i>Nguyễn</i>		0,0	1,0	0,0	1,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	13154049	NGUYỄN VĂN SANG	DH13OT	<i>Nguyễn</i>		0,0	1,0	0,0	1,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	13138173	TRẦN VŨ SANG	DH13TD	<i>Trần</i>		0,3	2,0	1,0	3,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	14154045	MAI XUÂN SANH	DH14OT	<i>Mai</i>		0,3	1,5	0,0	1,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	13115361	NGUYỄN NGỌC SƠN	DH13CB	<i>Nguyễn</i>		0,25	0,25	4,0	1,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	13137120	TRẦN VĂN SƠN	DH13NL	<i>Trần</i>		1,8	0,5	0,0	2,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	13154050	NGÔ VĂN SỰ	DH13OT	<i>Ngô</i>		1,25	2,0	3,25	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	12115164	NGÔ THỊ THANH TÂM	DH12GN	<i>Ngô</i>		1,25	1,5	1,25	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 5 Hiện diện: 29

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Văn Công

Nguyễn Nam Quyền

Trần Văn Dũng

Vũ Văn Tuấn

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cơ học lý thuyết-207103

Ngày Thi : 25/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD504 Nhóm : 06 Tổ : 004

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13137123	NGUYỄN ĐỨC TÂM	DH13NL	V	V					(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13153021	CAO THANH TÂN	DH13CD	tan	1	0,25	1,75	0,0	2,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13138185	LÊ DUY TÂN	DH13TD	tan	1	1,0	1,8	0,0	2,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13138189	VĂN THÀNH TÂN	DH13TD	tan	1	1,0	1,8	0,0	2,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12153133	NGUYỄN THANH TÂN	DH12CD	tan	1	0,25	1,75	0,0	2,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13334175	ĐOÀN THIÊN THANH	CD13CI	V	V					(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13154053	HÀ CHÍ THANH	DH13OT	thanh	1	0,3	1,5	0,5	2,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13137130	LƯƠNG TÂN THANH	DH13NL	tan	1	0,25	1,75	0,0	2,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13115385	NGUYỄN NGỌC THANH	DH13CB	thanh	1	0,5	1,5	0,5	2,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13118275	ĐẶNG ANH THẢO	DH13CK	thanh	1	1,5	2,0	3,0	6,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13137138	PHẠM NGỌC THIÊN	DH13NL	thanh	1	0,3	1,25	0,25	1,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13153223	TRẦN HỮU THO	DH13CD	V	V					(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13118286	PHAN MINH THÔNG	DH13CK	thanh	1	0,5	1,75	0,25	2,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12115125	NGUYỄN THỊ THO	DH12GN	thanh	1	0,75	1,75	3,5	6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	14118272	PHẠM ĐÌNH THUẬN	DH14CK	thanh	1	1,0	1,5	0,0	2,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13137141	TRẦN THẮNG THUẬN	DH13NL	thanh	2	1,5	2,0	2,0	5,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13334205	VÕ THÁI THUẬN	CD13CI	thanh	1					(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13153233	NGUYỄN VĂN TIÊN	DH13CD	V	V					(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cơ học lý thuyết-207103

Ngày Thi : 25/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD504 Nhóm : 06 Tổ : 004

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	12344183	NGUYỄN VĂN TRÂM	CD12CI	Trâm	1	0,0	0,0	0,0	0,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12115178	TRẦN HOÀNG PHƯƠNG	TRÂM	Trần	1	1,75	1,75	0,5	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13154188	NGUYỄN DUY	TRÂN	Duy	1	1,3	1,0	1,0	3,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13153240	NGUYỄN CÔNG TRIỂN	DH13CD	Triển	1	0,5	1,5	0,0	2,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13154065	NGUYỄN VĂN TRUNG	DH13OT	Trần	1	1,3	1,75	0,25	3,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13118344	BÙI VĂN TÚ	DH13CC	Bui	1	0,3	1,5	0,0	1,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13118330	ĐOÀN MINH TUẤN	DH13CK	V	V	Cấm thi				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	13154067	PHẠM TRÌNH HOÀNG VĂN	DH13OT	Phạm	2	1,3	2,0	1,5	4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13334244	LÊ QUANG VINH	CD13CI	Le	1	1,0	0,5	0,0	1,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	13118065	LƯƠNG HOÀI VINH	DH13CC	Lương	1	1,5	2,0	2,5	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	13118066	NGUYỄN THẾ VŨ	DH13CC	Nguyễn	1	1,75	1,75	0,5	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	13154069	NGUYỄN TUẤN VŨ	DH13OT	Nguyễn	2	1,3	1,75	0,25	3,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	13115143	NGUYỄN THẾ VỸ	DH13CB	Vũ	1	Cấm thi				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	12115189	NGUYỄN THỊ VƯƠNG XUÂN	DH12GN	Nguyễn	1	1,0	2,0	1,0	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	13334252	NGUYỄN TẤN NHƯ Ý	CD13CI	Nguyễn	1	0,5	1,8	0,5	2,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 05 Hiện diện: 28

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

LÊ QUANG HIỀN

Nguyễn Văn Tuấn Anh

Nguyễn Văn Tuấn Anh

Vũ Thanh Tiên

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cơ học lý thuyết-207103

Ngày Thi : 25/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV202 Nhóm : 07 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	14137009	HỒ THẾ BẢO	DH14NL	Bao		0,25	1,25	0,0	1,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	14154004	NGUYỄN HOÀI BẢO	DH14OT	Bao		0,25	2,0	0,75	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	14153004	NGUYỄN THANH HUY	DH14CD	Huy		1,5	2,0	0,5	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	14153005	VÕ ĐỨC BÀ	DH14CD	Ba		0,5	1,8	0,5	2,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	14153067	NGUYỄN KHẮC BÔNG	DH14CD	Bong		0,5	1,8	0,0	2,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	14153007	PHẠM HÒA CHÍNH	DH14CD	chinh		0,75	1,5	0,25	2,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	14153008	HUYỀNH NGỌC CƯỜNG	DH14CD	cuong		1,0	1,75	0,25	3,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	14153009	LÊ MANH CƯỜNG	DH14CD	cuong		1,0	1,5	0,0	2,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	14154077	NGUYỄN QUỐC CƯỜNG	DH14OT	cuong		0,5	1,5	0,0	2,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	14153010	TRẦN VŨ ANH DUY	DH14CD	duy		0,5	2,0	1,0	3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	14154011	NGUYỄN PHÁT ĐẠT	DH14OT	dat		0,5	1,75	0,25	2,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	14154012	NGUYỄN TUẤN ĐẠT	DH14OT	dat		0,3	1,75	1,25	3,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	14153075	ĐỖ MINH ĐẾ	DH14CD	de		1,0	2,0	1,5	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	14153014	HỒ ĐỨC HẢI	DH14CD	hai		0,0	1,0	0,0	1,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	14153080	LÊ KHOA HẬU	DH14CD	hu		0,75	1,75	3,0	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	14154020	VŨ ANH HIẾU	DH14OT	hieu		0,3	2,0	0,0	2,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	14153085	HUYỀNH THANH HOÀI	DH14CD	hoai		0,3	1,0	0,0	1,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	14153088	NGUYỄN VĂN HOÀNG	DH14CD	hoang		0,5	1,5	0,0	2,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cơ học lý thuyết-207103

Ngày Thi : 25/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV202 Nhóm : 07 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	14153094	HỨA TIẾN	HƯNG	DH14CD	V					(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	14154105	PHẠM NGỌC	HƯNG	DH14OT	Phạm Ngọc	0,5	2,0	0,0	2,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	14153019	CAO BÀ	KẾ	DH14CD	Cao Bà	0,25	0,75	0,0	1,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	14153021	MAI THẾ	KIỆT	DH14CD	Mai Thế	0,25	1,75	0,0	2,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	14153022	TRẦN TUẤN	KIỆT	DH14CD	Trần Tuấn	0,75	2,0	0,25	3,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	14153023	ĐINH THIÊN DUY	LÂM	DH14CD		cấm thi				(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	14153024	NGÔ TƯỜNG	LÂM	DH14CD	Ngô Tường	0,5	1,0	0,0	1,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	14153025	PHẠM THANH	LÂM	DH14CD	Phạm Thanh	0,75	2,0	0,25	3,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	14154116	TRỊNH ĐÌNH	LINH	DH14OT		cấm thi				(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	14154032	NGUYỄN VĂN HOÀNG	LONG	DH14OT	V					(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	14153027	NGUYỄN PHAN	LỢI	DH14CD	Nguyễn Phan	0,5	1,25	4,25	6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	14153028	BÙI VŨ	LUÂN	DH14CD	Bùi Vũ	0,5	2,0	0,0	2,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	14153029	HÀNG	LỰC	DH14CD	Hàng	0,25	1,25	0,0	1,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	14137003	NGUYỄN TẤN	MINH	DH14NL	Nguyễn Tấn	0,3	1,5	0,0	1,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	14153030	TRẦN LỘC	MINH	DH14CD	Trần Lộc	0,3	1,0	0,0	1,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	14153103	NGUYỄN ĐỨC	NAM	DH14CD	V					(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	14153104	PHAN THANH	NAM	DH14CD	Phan Thanh	1,75	2,0	1,25	5,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	14153034	CHẾ THÀNH	NGHI	DH14CD	Chế Thành	1,75	1,5	4,25	7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cơ học lý thuyết-207103

Ngày Thi : 25/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV202 Nhóm : 07 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
37	14153036	PHAN TRUNG NGHĨA	DH14CD	Thuyet	0,75	1,75	0,0	2,5		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	14154125	NGUYỄN MINH NGỌC	DH14OT	Ngoc	0,5	1,25	0,75	2,5		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	14118204	NGUYỄN TẤN TUẤN	DH14CK	Ngoc	Cấm thi					V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	14118205	TRẦN VŨ QUÝ	DH14CK	Ngoc	0,0	0,3	0,0	0,3		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	14154127	NGUYỄN VĂN NHÃN	DH14OT	Ngoc	1,0	2,0	1,0	4,0		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	14153107	ĐINH NHƯ NHÃN	DH14CD	✓						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	14153040	PHAM THỊ NHÃN	DH14CD	Pham Thi	1,25	2,0	1,75	5,0		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	14153109	NGUYỄN HIỆP DUY	DH14CD	Nhan	0,8	1,5	0,0	2,3		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	14118214	NGUYỄN XUÂN PHÁT	DH14CK	Phu	Cấm thi					V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	14118218	PHẠM THANH PHONG	DH14CK	Phong	0,0	1,5	0,0	1,5		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	14118219	TRẦN NGUYỄN HOÀNG PHÚ	DH14CC	Phu	0,75	1,75	1,0	3,5		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	14153112	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG	DH14CD	✓						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	14118222	NGUYỄN THÀNH PHƯƠNG	DH14CC	Phuong	1,0	1,5	0,0	2,5		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	14118247	NGUYỄN VĂN TĂNG	DH14CK	Tang	0,3	1,5	1,0	2,8		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	14153119	TRẦN TRÍ TÂM	DH14CD	Tam	0,5	2,0	1,5	4,0		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	14153125	LƯU DỨC THÁI	DH14CD	Thai	0,25	1,25	0,0	1,5		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	14118249	PHẠM CHÂU THANH	DH14CK	Thanh	Cấm thi					V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	14154051	NGUYỄN TRỌNG THÀNH	DH14OT	Thanh	0,3	2,0	0,5	2,8		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cơ học lý thuyết-207103

Ngày Thi : 25/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV202 Nhóm : 07 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
55	14137071	ĐỖ VIỆT	THẮNG	DH14NL	<i>Đỗ</i>	0,3	0,5	0,0	0,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	14153129	PHẠM HOÀNG	THÂN	DH14CD	<i>Phạm</i>	0,5	1,8	0,0	2,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	14118258	PHAN TRIỆU	THÂN	DH14CK		Cấm thi				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	14118265	NGUYỄN QUỐC	THỊNH	DH14CC	<i>Quốc</i>	0,8	1,5	2,0	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	14118267	NGUYỄN HOÀNG	THÔNG	DH14CK	V					V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	14153134	NGUYỄN THANH	THUẬN	DH14CD	<i>Ngô</i>	1,25	1,25	1,0	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
61	14154061	TRƯƠNG NGỌC	TÍN	DH14OT	<i>Trần</i>	1,0	2,0	2,5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
62	14118277	ĐOÀN VIỆT	TÍNH	DH14CK		Cấm thi				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
63	14118280	NGUYỄN MINH	TRÍ	DH14CK	<i>Trí</i>	0,0	0,5	0,0	0,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
64	14154062	NGUYỄN THẾ	TRỌNG	DH14OT	<i>Trọng</i>	0,25	1,75	0,0	2,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
65	14118293	LÊ VĂN	TRÚNG	DH14CK	<i>Trần</i>	0,0	1,5	0,0	1,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
66	14137088	HUYỀN VĂN	TRƯỜNG	DH14NL		Cấm thi				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
67	14118294	NGUYỄN PHI	TRƯỜNG	DH14CK	<i>Phi</i>	Cấm thi				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
68	14154063	VÕ ĐÌNH	TRƯỜNG	DH14OT	<i>Vũ</i>	0,0	1,3	0,5	1,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
69	14118296	NGUYỄN DUY	TUẤN	DH14CC	<i>Trần</i>	0,0	0,0	0,0	0,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
70	14153140	NGUYỄN MANH	TUẤN	DH14CD	<i>Trần</i>	1,0	1,5	1,0	3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
71	14154156	TRẦN HỮU	TUẤN	DH14OT	<i>Trần</i>	1,75	1,25	4,0	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
72	14153143	NGUYỄN THANH	TÙNG	DH14CD	<i>Trần</i>	0,0	1,0	0,0	1,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cơ học lý thuyết-207103

Ngày Thi : 25/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV202 Nhóm : 07 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
73	14118304	PHẠM THANH	TÙNG	7w5		0,0	1,3	0,0	1,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
74	14137093	TRẦN BÁ	TÙNG	2		0,8	1,5	0,0	2,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
75	14118305	TRƯƠNG THANH	TÙNG	1w		0,0	0,5	0,0	0,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
76	14153059	PHẠM NGỌC	TUYẾN	1w		0,75	1,5	0,75	3,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
77	14153060	NGUYỄN CÔNG	TUÔNG	Tuong		1,0	2,0	0,0	3,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
78	14118312	HÀ THÀNH	VỊ	✓						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
79	14153062	TRỊNH THÀNH	VIỆT	1w		0,3	1,0	0,0	1,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
80	14118313	HOÀNG TUẤN	VŨ	1w		0,25	1,75	0,0	2,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
81	14118315	TRẦN BÁ	VƯƠNG							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 13

Hiện diện: 8

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

[Signature]
Nguyễn Khoa

[Signature]
Bùi Xuân Tiến

[Signature]
Đặng Xuân Dũng

[Signature]
Vũ Thành Tiến

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cơ học lý thuyết-207103

Ngày Thi : 25/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV301 Nhóm : 08 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tử	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	14153068	NGUYỄN HOÀNG ANH	CHIẾN	DH14CD	<i>Chí</i>	0,5	1,25	0,25	2,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	14154080	NGUYỄN HOÀNG	DIỄN	DH14OT	<i>Chí</i>	cấm thi				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	14153070	MAI THẠCH	DŨ	DH14CD	<i>Đu</i>	0,3	1,5	0,0	1,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	14154009	NGUYỄN HOÀI	DUY	DH14OT	<i>Duy</i>	0,5	1,5	0,0	1,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	14154010	NGUYỄN VĂN	ĐÀN	DH14OT	<i>Đàn</i>	0,25	1,25	0,0	2,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	14153012	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	DH14CD	<i>Đạt</i>	0,8	0,5	0,0	1,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	14154014	ĐOÀN MINH	ĐỘ	DH14OT	<i>Độ</i>	0,3	1,0	0,5	1,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	14154091	NGUYỄN VĂN	HÀNH	DH14OT	<i>Hà</i>	0,5	0,8	0,0	1,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	14137031	NGUYỄN TRẦN NHẬT	HÀO	DH14NL	<i>Chí</i>	cấm thi				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	14137032	ĐẶNG HOÀNG	HẢO	DH14NL	<i>Đ</i>	0,25	1,25	0,0	1,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	14153079	BÙI VĂN	HÂN	DH14CD	<i>Đ</i>	0,5	1,5	0,0	2,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	14137034	VŨ TRỌNG	HIẾN	DH14NL	<i>Chí</i>	cấm thi				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	14154018	TRẦN BÁ	HIẾN	DH14OT	<i>Hiến</i>	0,75	2,0	1,25	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	14154093	TRƯƠNG BÙU	HIỆP	DH14OT	<i>Trương</i>	0,75	1,5	2,25	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	14137037	NGUYỄN THANH	HIẾU	DH14NL	<i>Thu</i>	cấm thi				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	14154098	LÊ THÁI	HÒA	DH14OT	<i>Thái</i>	0,5	1,5	1,3	3,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	14154094	TRẦN THANH	HOÀNG	DH14OT	<i>Hoàng</i>	0,8	1,25	0,75	3,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	14154102	NGUYỄN ĐÌNH	HUY	DH14OT	<i>H</i>	1,5	2,0	5,5	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cơ học lý thuyết-207103

Ngày Thi : 25/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV301 Nhóm : 08 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	14154100	NGUYỄN ĐỨC HUY	DH14OT	<i>[Signature]</i>		1,0	1,5	1,8	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	14154104	HUYỀN VÂN	DH14OT	<i>[Signature]</i>		0,0	0,8	0,0	0,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	14137044	NGUYỄN VĂN KA	DH14NL	<i>[Signature]</i>		1,3	1,0	1,0	3,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	14154027	CAO HOÀNG KHANH	DH14OT	<i>[Signature]</i>		0,75	1,75	1,5	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	14137045	NGUYỄN QUỐC KHANH	DH14NL	<i>[Signature]</i>					✓	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	14137046	NGUYỄN NHẬT KHOA	DH14NL	<i>[Signature]</i>		0,5	1,5	0,0	2,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	14154112	NGUYỄN HOÀNG KHƯƠNG	DH14OT	<i>[Signature]</i>		1,25	1,5	3,25	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	14154030	ĐỖ ĐỨC LINH	DH14OT	<i>[Signature]</i>					cơ thi ✓	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	14154031	ĐẶNG VĂN LONG	DH14OT	<i>[Signature]</i>		1,0	2,0	3,5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	14137048	LÊ THẾ LỰC	DH14NL	<i>[Signature]</i>		1,0	2,0	2,5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	14154119	NGUYỄN VĂN MINH	DH14OT	<i>[Signature]</i>		0,8	1,75	1,75	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	14153032	NGUYỄN THANH NAM	DH14CD	<i>[Signature]</i>		0,0	1,5	0,0	1,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	14154038	VÕ VĂN NGHỊ	DH14OT	<i>[Signature]</i>		1,0	2,0	4,0	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	14154039	NGUYỄN HOÀI NHÂN	DH14OT	<i>[Signature]</i>		0,75	1,75	2,0	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	14153039	NGUYỄN VĂN NHÂN	DH14CD	<i>[Signature]</i>		1,8	2,0	5,5	9,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	14137051	NGUYỄN HỮU NHẬT	DH14NL	<i>[Signature]</i>		0,3	0,5	0,0	0,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	14137053	LÊ MINH NHỰT	DH14NL	<i>[Signature]</i>		0,5	1,3	0,0	1,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	14154130	VƯƠNG NINH	DH14OT	<i>[Signature]</i>		0,0	1,0	0,0	1,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cơ học lý thuyết-207103

Ngày Thi : 25/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV301 Nhóm : 08 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tử	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
37	14154041	VŨ VĂN PHÁT	DH14OT					✓		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	14137056	TRẦN MINH QUANG	DH14NL			0,0	1,3	0,0	1,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	14154043	NGUYỄN THANH QUÂN	DH14OT			0,5	1,25	0,25	2,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	14154137	ĐỖ TIẾN QUỲNH	DH14OT			0,75	1,75	0,5	3,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	14137057	TRẦN PHƯỚC SANG	DH14NL			Cấm thi				(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	14137064	LÊ NGUYỄN MINH TÀI	DH14NL			0,25	1,25	0,0	1,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	14137069	NGÔ VĂN THANH	DH14NL			0,3	1,5	0,5	2,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	14154143	TRẦN HỮU THÀNH	DH14OT			0,5	1,5	0,3	2,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	14137070	TRẦN VĂN THÀNH	DH14NL			0,25	1,25	0,0	1,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	14154053	VŨ HOÀNG THẮNG	DH14OT			Cấm thi		✓		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	14137074	NGUYỄN MẬU THIẾT	DH14NL			0,8	1,0	0,0	1,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	14154056	NGUYỄN PHÚC THỊNH	DH14OT			Cấm thi		✓		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	14154058	LÊ ĐÌNH THUẬN	DH14OT			0,75	1,75	0,0	2,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	14154060	TĂNG QUỐC TIẾN	DH14OT			Cấm thi		✓		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	14154157	TRẦN VĂN TUẤN	DH14OT			0,3	0,5	0,0	0,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	14137091	PHẠM ĐỨC TUYÊN	DH14NL			0,5	1,0	0,0	1,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	14154064	MAI QUỐC VIỆT	DH14OT			1,5	2,0	4,5	8,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	14137095	TRƯƠNG THIẾ VINH	DH14NL			Cấm thi		✓		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 08

Tổ : 001

Trang 4/2

Mã nhận dạng 01550

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cơ học lý thuyết-207103

Ngày Thi : 25/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV301 Nhóm : 08 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
55	14137097	LÊ HOÀNG	VŨ			0,5	0,5	0,0	1,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
56	14137099	TRƯƠNG QUỐC	VƯƠNG			0,75	1,75	2,5	5,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
57	14137100	HUỲNH NHẬT	VY			Coin thi		✓		(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số lượng vắng: 11 Hiện diện: 46

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cơ học lý thuyết-207103

Ngày Thi : 25/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV302 Nhóm : 09 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	14118001	BÙI VĂN AN	DH14CK	An		8	3	1	2,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	14118098	ĐỖ TUẤN ANH	DH14CK							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	14115160	LÊ VĂN ẮN	DH14CB							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	14118105	NGUYỄN VĂN BÌNH	DH14CC	bp		8	6	1	3,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	14118006	TRẦN QUỐC	DH14CC	tu		8	3	1	2,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	14118108	TRẦN VĂN BỒN	DH14CK	th		8	4	3	4,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	14118109	ĐÀO HỮU CẢNH	DH14CK	huc		8	5	1	3,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	14118007	VÕ VĂN CẢNH	DH14CK	canh		8	7	7	7,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	14118008	NGUYỄN ĐĂNG CHÂU	DH14CK	chau		8	6	1	3,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	14118118	PHẠM ĐỨC CÔNG	DH14CC	duc		8	7	1	3,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	14118132	NGUYỄN VÕ TRÍ DƯƠNG	DH14CK	duy		8	7	1	3,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	14118134	NGUYỄN VĂN ĐẠI	DH14CK	da		8	3	5	5,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	14118017	NGUYỄN THANH ĐIỀN	DH14CC	th		8	7	4	5,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	14118141	TRẦN VĂN ĐIẾP	DH14CK	th		8	1	8	6,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	14118018	TRẦN PHƯƠNG ĐÔNG	DH14CK	duc		8	7	1	3,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	14118020	TRẦN TIỂU GIANG	DH14CK							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	14118021	ĐỖ KỲ HÀ	DH14CC	ha		8	7	4	5,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	14118154	LÊ DOÃN HẢO	DH14CC	hao		8	7	7	7,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cơ học lý thuyết-207103

Ngày Thi : 25/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV302 Nhóm : 09 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (40%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	14118024	PHẠM THANH	HIỀN			7	1	1	2,2	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	14118159	PHẠM TẤN	HIỆP			8	7	2	4,2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
21	14118026	NGUYỄN ĐỨC	HIỆU			8	5	1	3,2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
22	14118166	VÕ VĂN	HÒA			8	3	1	2,8	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
23	14118167	NGUYỄN VĂN	HÒA			8	5	1	3,2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
24	14118164	TÔN NHẬT	HOÀNG							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
25	14118170	BÙI QUANG	HUY			8	5	1	3,2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
26	14118029	ĐÀO VĂN	HUY			8	3	1	2,8	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
27	14118173	DƯƠNG THẾ	HUYNH							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
28	14118177	PHẠM NGỌC	HƯNG			8	7	1	3,6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
29	14118181	PHẠM DUY	KHANH			8	7	9	8,4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
30	14118033	ĐẶNG PHÚ	KHÁNH			8	7	1	3,6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
31	14118188	TRẦN NGUYỄN PHƯƠNG	KHÔI			8	5	1	3,2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
32	14118034	ĐINH ĐỨC	KIẾN			7	5	1	3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
33	14118189	NGUYỄN TUẤN	KIỆT			8	5	1	3,2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
34	14118036	NGUYỄN THÀNH	LÊ			8	7	3	4,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
35	14118192	LÊ THÀNH	LONG			8	3	3	4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
36	14118037	TRẦN ĐÌNH HẢI	LONG			8	2	4	4,4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cơ học lý thuyết-207103

Ngày Thi : 25/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV302 Nhóm : 09 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
37	14118040	HOÀNG VƯƠNG	NAM	DH14CC	Nam	8	2	5	5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	14115439	TRẦN THỊ THU	NGÂN	DH14GB	Thu	8	6	9	8,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	14118044	CAO HỮU	NHÂN	DH14CK	Huu	8	3	5	5,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	14118045	TRẦN TRỌNG	NHÂN	DH14CC	Tr	7	3	4	4,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	14115090	NGUYỄN VĂN	NHƠN	DH14CB	Nhon	8	7	6	6,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	14118048	BÙI HOÀNG	PHONG	DH14CC	Phong	8	3	1	2,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	14118050	NGUYỄN THÀNH	PHONG	DH14CK	Thanh	8	7	1	3,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	14118052	CHÂU HOÀNG	PHÚC	DH14CK	Hu	8	3	4	4,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	14118053	NGÔ TẤN	PHÚC	DH14CK	Tan	7	1	1	2,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	13154047	HÀ ANH	QUẢN	DH13OT	Anh	8	5	1	3,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	14118059	LÊ VĂN	QUYÊN	DH14CC	Quy	7	0	1	2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	14118062	ĐỖ VĂN	TÀU	DH14CK	Van	7	1	4	4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	14118066	HOÀNG PHƯỚC	THIÊN	DH14CK	Phu	8	3	1	2,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	14118067	NGUYỄN KIỀU MINH	THIÊN	DH14CK	Minh	8	7	1	3,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	14118070	ĐINH TRỌNG	THỌ	DH14CK	Th	8	3	1	2,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	14118074	PHẠM ĐÌNH	TIẾN	DH14CC	Minh	8	3	2	3,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	14118076	NGUYỄN VĂN	TOÁN	DH14CC	Toan	8	3	2	3,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	14118086	NGUYỄN CÔNG	TRUYỀN	DH14CK	Cong	8	3	1	2,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cơ học lý thuyết-207103

Ngày Thi : 25/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV302 Nhóm : 09 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (20%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
55	14118087	NGUYỄN MINH TUẤN	DH14CK			8	4	5	5,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
56	14118090	LÊ VĂN TÙNG	DH14CK			6	5	5	5,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
57	14118093	TRẦN PHƯỚC VINH	DH14CK			7	1	5	4,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
58	14118095	NGUYỄN QUỐC VƯƠNG	DH14CK			8	7	5	6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số lượng vắng: 5 Hiện diện: 53

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Đỗ Công Tâm


Vương Công Tuấn


Vương Đình Bình


Đỗ Hữu Toàn

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cơ học lý thuyết-207103

Ngày Thi : 25/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV303 Nhóm : 10 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tử	Đ 1 (20%)	Đ 2 (20%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	14118097	TRẦN LÂM AN	DH14CK							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	14137008	LÊ ĐÌNH BA	DH14NL							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	14118104	NGUYỄN TẤN BẢO	DH14CC	Bao		8	5	1	3,2	✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13334016	TRẦN THANH BÌNH	CD13CI	Binh		8	7	5	6	✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	14118317	PHẠM NGỌC CHÂU	DH14CC	Chau		8	7	5	6	✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	14118009	NGUYỄN MINH CHIẾN	DH14CC	Chien		8	7	7	7,2	✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	14118117	LÊ TIẾN CÔNG	DH14CK							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	14118121	BÙI VIỆT CƯỜNG	DH14CC							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	14137017	CHÂU VĂN DUYỆT	DH14NL							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	14118131	LÊ VĂN DƯƠNG	DH14CK	Duong		5	0	1	1,6	✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	14118137	NGUYỄN QUỐC ĐẠT	DH14CC	Dat		8	7	5	6	✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	14118138	NGUYỄN VĂN THÀNH ĐẠT	DH14CK							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	14118139	PHẠM THÀNH ĐẠT	DH14CC	Dat		7	0	1	2	✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	14118140	VŨ THÁNH ĐẠT	DH14CC							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13118125	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	DH13CC							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	14137002	LÊ NGUYỄN VIỆT HẢO	DH14NL	Hao		8	7	5	6	✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13153093	PHÙNG VĂN HẬU	DH13CD	Hau		7	7	1	3,4	✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	14118025	LÊ QUANG HIẾN	DH14CK	Hien		8	3	1	2,8	✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cơ học lý thuyết-207103

Ngày Thi : 25/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV303 Nhóm : 10 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	14118027	NGUYỄN ĐẠI	HOÀNG	DH14CK	<i>Hoàng</i>	7	3	3	3,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11344020	TRẦN VĂN	HỒ	CD11CI	<i>Hồ</i>	8	7	1	3,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	14118030	NGUYỄN ĐỨC	HUY	DH14CK	<i>Đức</i>	7	1	2	2,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	14118031	NGUYỄN TRƯỜNG	HUY	DH14CC	<i>Trường</i>	8	5	3	4,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	14118179	NGUYỄN NGỌC	KHA	DH14CK	<i>Ngọc</i>	7	3	5	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	14118042	NGUYỄN TRUNG	NGUYỄN	DH14CK	<i>Trung</i>	8	5	5	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13334131	VÕ KHÁNH	NGUYỄN	CD13CI						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	14118047	NGUYỄN HỮU	PHÁT	DH14CC	<i>Hữu</i>	8	3	1	2,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	14118228	TRẦN HỮU	PHƯỚC	DH14CC	<i>Phước</i>	8	3	5	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	14118055	NGUYỄN HOÀNG	PHƯƠNG	DH14CK						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	14118223	PHẠM HOÀNG	PHƯƠNG	DH14CK	<i>Phương</i>	8	3	1	2,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	14118232	LÊ VĂN NHẬT	QUANG	DH14CC						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	14118056	ĐINH HỒNG	QUÂN	DH14CK	<i>Hồng</i>	7	5	3	4,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	14118236	NGUYỄN VĂN	SANG	DH14CK						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	14118237	TRẦN QUỐC	SANG	DH14CC	<i>Quốc</i>	7	7	1	3,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	14118243	NGUYỄN THẾ	SƠN	DH14CC						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	14118061	LÊ TIẾN	TÀI	DH14CC	<i>Tài</i>	7	2	3	3,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	14118245	NGUYỄN VĂN	TÀI	DH14CK	<i>Tài</i>	8	3	3	4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cơ học lý thuyết-207103

Ngày Thi : 25/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV303 Nhóm : 10 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (90%)	Đ 2 (10%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
37	14118246	TRẦN VĂN TÀI	DH14CK	<i>Mu</i>		8	7	5	6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	13114492	LÊ ĐỨC	DH13CB	<i>Đức</i>		6	7	5	5,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	14118251	ĐOÀN QUANG	DH14CC	<i>Quang</i>		3	2	1	1,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	14118256	NGUYỄN QUỐC THẮNG	DH14CC	<i>Thắng</i>		6	5	1	2,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	14118259	NGUYỄN GIA THẾ	DH14CK	<i>Thế</i>		7	3	1	2,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	14137005	NGUYỄN HỮU THẾ	DH14NL	<i>Hữu</i>		7	7	1	3,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	14118068	NGUYỄN QUỐC THIÊN	DH14CK							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	14118263	NGUYỄN TẤN	DH14CC	<i>Tấn</i>		8	6	1	3,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	14118266	PHAN MINH THOẠI	DH14CK	<i>Minh</i>		8	3	2	3,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	14115125	TRẦN THỊ MỸ	DH14GB	<i>Mỹ</i>		8	7	7	7,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	14118274	TRẦN VĂN THƯỜNG	DH14CC	<i>Thường</i>		8	7	6	6,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	14118075	PHAN XUÂN TOÀN	DH14CC							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	14118083	TRƯƠNG MINH TRÍ	DH14CK	<i>Minh</i>		8	5	5	5,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	14118081	LÊ NGỌC ĐĂNG	DH14CK	<i>Đăng</i>		8	3	3	4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	13115442	VÕ CÔNG TRÌNH	DH13CB	<i>Công</i>		6	3	2	3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	14118283	LÊ ĐỨC TRỌNG	DH14CK	<i>Đức</i>		8	3	1	2,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	14118284	NGUYỄN ĐỨC TRỌNG	DH14CK							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	14118085	NGUYỄN MINH TRUNG	DH14CK							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cơ học lý thuyết-207103

Ngày Thi : 25/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV303 Nhóm : 10 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (50%)	Đ 2 (50%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
55	14118325	LÊ KHẢI	TÚ	DH14CC						● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	14118092	NGUYỄN HOÀNG ANH	TÚ	DH14CC	<i>[Signature]</i>	8	3	1	2,8	✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	14137006	TRIỆU KIM	TÚ	DH14NL						● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	14118088	HỒ HOÀNG	TUẤN	DH14CX	<i>[Signature]</i>	8	5	8	7,4	✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	14118309	BÙI THANH	VINH	DH14CK	<i>[Signature]</i>	9	7	7	7,4	✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	14118310	TRẦN HỮU	VINH	DH14CC	<i>[Signature]</i>	8	3	7	6,4	✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
61	14118311	TRẦN XUÂN	VINH	DH14CK	<i>[Signature]</i>	5	5	1	2,6	✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 19 Hiện diện: 42

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

[Signature]
Đỗ Hữu Toàn

[Signature]
Nguyễn Thanh Nghị

[Signature]
Vương Đức Bình

[Signature]
Đỗ Hữu Toàn